



USAID
TỪ NHÂN DÂN MỸ



Wi **WINROCK**
INTERNATIONAL
Putting Ideas to Work

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam **Báo cáo kỹ thuật**

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA), xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Tổ chức nộp

Chữ Thập Đỏ

Tháng 6, 2014

SNV Netherlands
Development
Organisation
Connecting People's Capacities



**American
Red Cross**



SRD
Sustainable Rural Development

Ấn phẩm này được soạn thảo cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hợp tác số AID-486-A-12-00009.

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam là một dự án nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án sẽ đưa vào thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển phát thải thấp, tập trung vào giảm lượng khí thải từ ngành lâm nghiệp và nông nghiệp, tăng cường sinh kế và định cư thích hợp với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Giải quyết các rủi ro biến đổi khí hậu dài hạn và các lỗ hổng về giới trong cảnh quan rừng và đồng bằng là những mục tiêu chính của dự án.

Ấn phẩm này được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

1. Các thông tin cơ bản về xã Nghĩa Hải , huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.....	10
1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu	10
1.1.1. Tỉnh Nam Định	10
1.1.2. Xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	11
1.2. Tài nguyên thiên nhiên.....	11
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển	12
1.4. Cơ sở hạ tầng.....	13
1.5. Dân cư.....	14
1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội	14
1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội	15
1.7.1. Kinh tế.....	15
1.7.2. Xã hội.....	16
2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần	16
2.1. Sinh kế	16
2.2. Điều kiện sống cơ bản	17
2.3. Sự tự bảo vệ của hộ dân	17
2.4. Sự bảo vệ xã hội.....	18
2.5. Tổ chức xã hội/ chính quyền	18
3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương	19
3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội	19
3.1.1. Các loại hiểm họa, thiệt hại, xu hướng biến động	19
3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần	24
4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro.....	29
4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng	29
4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương	30
4.3. Nguyên nhân.....	31
4.3.1. Vấn đề 1	30
4.3.2. Vấn đề 2.....	31
4.3.3. Vấn đề 3.....	32

4.3.4. Vấn đề 4.....	32
4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro.....	32
5. Kết luận và khuyến nghị.....	32
5.1. Kết luận 1.....	32
5.2. Kết luận 2.....	34
5.3. Kết luận 3.....	35
5.4 Kết luận 4.....	36
Tài liệu tham khảo.....	37
Phụ lục.....	38

LỜI GIỚI THIỆU

Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” (viết tắt là dự án “Rừng và đồng bằng Việt Nam” hay VFD) do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, được triển khai tại 4 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An trong thời gian 5 năm, từ 2013 - 2017. Mục tiêu chung của dự án là thúc đẩy sự chuyển đổi của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững và hạn chế phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện Kế hoạch Quốc gia về biến đổi khí hậu và Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh.

Dự án VFD do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản với sự tham gia chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân 4 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An; các đối tác hỗ trợ kỹ thuật gồm có: Tổ chức Winrock International, Tổ chức Phát triển Hà Lan, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững. Dự án có 3 hợp phần: “Cảnh quan bền vững”, “Thích ứng biến đổi khí hậu”, “Điều phối và chính sách”. Trong đó, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững, Tổ chức Phát triển Hà Lan cùng với 2 tỉnh đồng bằng là Nam Định và Long An phối hợp thực hiện chủ yếu hợp phần “Thích ứng biến đổi khí hậu” nhằm nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu của người dân và chính quyền địa phương; trang bị công cụ và khả năng tiếp cận của người dân với cách thức chuyển đổi sinh kế ở vùng đồng bằng để tăng cường khả năng chống chịu với các rủi ro trước mắt và lâu dài của biến đổi khí hậu.

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (tên viết tắt tiếng Anh là VCA) do các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện từ năm 2010 đến nay là hoạt động cơ bản và cần thiết trước khi có những hành động can thiệp tiếp theo nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng. Thông qua hoạt động này, chính quyền cùng với người dân sẽ xác định được tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực ứng phó của họ khi phải đối mặt với những rủi ro tự nhiên và xã hội cũng như những thách thức của biến đổi khí hậu.

Xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng được chọn là 1 trong 30 xã thuộc địa bàn dự án của tỉnh Nam Định. Đây là xã ven biển, có mức sống trung bình so với các xã khác của huyện Nghĩa Hưng, sinh kế chính của người dân là nông nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản nên phải chịu rủi ro thiên tai và những tác động của biến đổi khí hậu.

Báo cáo kết quả đánh giá VCA được trình bày sau đây là tài liệu chính thống giúp chính quyền, các ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có cái nhìn cụ thể về điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu ưu tiên cần giải quyết và đề xuất giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Những thông tin thu được trong báo cáo là cơ sở góp phần giúp Chính quyền xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu một cách chủ động và hiệu quả. Báo cáo cũng có thể sử dụng như 1 công cụ để Chính quyền xã kêu gọi đầu tư, tài trợ vốn nhằm hỗ trợ xây dựng một cộng đồng an toàn và bền vững hơn trong tương lai.

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM

GHI NHỚ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hoạt động Đánh giá VCA tại xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định diễn ra từ ngày 02/6 đến ngày 06/6/2014 được thực hiện bởi nhóm đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tập huấn viên cấp quốc gia Hội CTĐ VN và các cán bộ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam”.

Kết thúc 5 ngày đánh giá với sự tham gia tích cực của hơn 400 người dân và lãnh đạo Chính quyền xã Nghĩa Hải, đoàn đánh giá đã phác thảo báo cáo vấn tắt VCA. Qua thời gian làm việc của Chính quyền xã và nhóm đánh giá đã chỉnh sửa và thông qua Báo cáo chính thức đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA).

Các bên liên quan thừa nhận bản Báo cáo VCA này là 1 tài liệu khoa học để làm căn cứ cho các hoạt động tiếp theo của dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” cũng như các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu của Chính quyền xã Nghĩa Hải trong thời gian tới.

UBND xã Nghĩa Hải

**Nhóm đánh giá VCA
Trưởng nhóm**

Hoàng Thị Huyền

UBND huyện Nghĩa Hưng

**Hội Chữ thập đỏ Nam Định
Phó Chủ tịch**

Phạm Minh Phương

TÓM LƯỢC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA BÁO CÁO

Trong khuôn khổ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” do USAID tài trợ xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định là 1 xã thuộc địa bàn dự án sẽ triển khai tại tỉnh Nam Định. Để đảm bảo các hoạt động được tiến hành tại xã phù hợp với tình hình thực tế, khả năng, nguồn lực cũng như hạn chế những điểm yếu đang tồn tại ở địa phương, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng tại xã làm tiền đề cho các hoạt động khác diễn ra nối tiếp đạt được kết quả cao hơn.

Đợt đánh giá VCA được tiến hành từ ngày 02 đến 06 tháng 6 năm 2014 được thực hiện bởi nhóm đánh giá gồm 6 người là hướng viên VCA của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nam Định cùng với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Trong thời gian 5 ngày đoàn đánh giá đã tiến hành 14 cuộc họp với chính quyền địa phương và người dân tại các xóm, tổng số người tham gia là hơn 400 người (trong đó có 225 nữ, chiếm 56,2%).

Bằng cách sử dụng các công cụ đánh giá đã được chuẩn hóa trong đánh giá VCA như: SWOT, Lịch mùa vụ, Phân tích sinh kế, Bản đồ rủi ro hiểm họa, Hồ sơ lịch sử, Sơ đồ Venn ... thông qua các cuộc họp lấy ý kiến của người dân và Chính quyền địa phương, nhóm đánh giá đã phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng cũng như rủi ro mà người dân đang sinh sống tại địa phương phải đối mặt.

Qua quá trình thu thập và phân tích thông tin, nhóm đánh giá đã phát hiện ra các nhóm vấn đề chính tại địa phương như sau:

Vấn đề 1. Sinh kế chính người dân xã Nghĩa Hải là sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, còn có các ngành nghề như đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản và dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động. Các ngành nghề sinh kế nói trên đều lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiếu ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là tình hình biến đổi khí hậu đang dẫn tới những rủi ro và thiệt hại ngày càng khó lường, gây tâm lý lo lắng cho người dân xã Nghĩa Hải, cụ thể:

- Sản xuất nông nghiệp so với 10 năm, 20 năm về trước đã có nhiều thay đổi về mùa vụ, giống lúa dài ngày, năng suất kém đến nay đã được thay thế bằng giống lúa ngắn ngày, năng suất cao giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng BĐKH. Tuy vậy nhân dân trồng lúa vẫn có tâm trạng lo lắng mất mùa do khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Nạn chuột, ốc bươu vàng phá hoại mùa màng. Bên cạnh diện tích vụ chiêm có 650/900 ha đạt năng suất, sản lượng chiếm 75% tổng diện tích gieo trồng. Còn 250 ha, chiếm 25% diện tích (70 ha ngoài đê Bồi, 180 ha trong đê) thường bị nhiễm mặn, giảm năng suất; 100% diện tích trồng lúa vụ mùa năm nào cũng bị ngập úng, hư hại lúa phải cấy đi cấy lại nhiều lần.

- Người dân chăn nuôi gia súc, gia cầm tự phát nhỏ lẻ theo hộ gia đình, chưa có qui hoạch chăn nuôi trang trại (hiện có 2 gia trại chăn nuôi lợn - mỗi gia trại từ 50 đến 100 con lợn) nên việc xử lý vệ sinh chuồng trại, phòng chống dịch kém, khó khăn, dễ bị dịch bệnh gây thiệt hại cho gia súc, gia cầm.

- Nuôi trồng thủy hải sản là một trong những sinh kế mũi nhọn của xã, có gần 300 hộ đầu tư vốn lớn nuôi trồng 298,84 ha (diện tích nuôi trồng hải sản ngoài đê 225 ha, nuôi trồng thủy sản khu vực Cồn Xanh 73,84 ha), thu hút hàng ngàn lao động có việc làm. Song người dân lo lắng rủi ro cao do nguồn nước ngày càng ô nhiễm; nắng nóng, nhiệt độ tăng, mưa lớn

trái vụ thường gây dịch bệnh, ảnh hưởng tới thu nhập, có năm do bão, lụt, nước dâng tràn bờ, gây vỡ ao, đầm, thiệt hại thủy, hải sản nặng nề.

- Đánh bắt hải sản có hơn 300 hộ góp vốn đến nay có 250 tàu thuyền. Trong đó có 35 tàu công suất lớn từ 250 đến 300 CV, 65 tàu công suất từ 90 đến 250 CV và có 150 tàu công suất từ 24 đến 90 CV. Cũng như nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt hải sản là sinh kế vốn lớn, thu nhập khá. Nhưng rủi ro thiên tai cao do thời tiết mưa bão bất thường, phương tiện tàu thuyền công suất nhỏ còn nhiều, trang thiết bị an toàn trên tàu khi ra khơi chưa đảm bảo, âu thuyền tránh trú bão của xã mới quy hoạch chưa có kinh phí để xây dựng (khi có gió bão tàu thuyền chạy trú bão ở cửa sông, cửa biển dẫn tới nguy cơ rủi ro cao).

- Xã có 6 doanh nghiệp chế biến hải sản góp phần tạo thêm công ăn việc làm cho người dân. Nhưng chế biến hải sản lệ thuộc vào nguồn lợi thủy hải sản từ đánh bắt và nuôi trồng. Nghề chế biến hải sản vẫn bị ảnh hưởng tác động không nhỏ bởi khí hậu, thời tiết, thiên tai khắc nghiệt. Mặt khác các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản xen kẽ khu dân cư nên không tránh khỏi việc góp phần tạo phát thải, ô nhiễm môi trường.

Vấn đề 2. Đi lại khó khăn do đường xuống cấp, nhỏ hẹp không đảm bảo an toàn cho việc đi lại trong mùa mưa bão và phát triển dân sinh. Trục đường xã dài 4 km chạy dọc từ giáp xã Nghĩa Hùng qua trung tâm của xã tới cổng Tòa; trục Hùng Hải Đông dài 3,5 km từ giáp xã Nghĩa Hùng chạy qua phía tây làng Hưng Thịnh Phú xuống nông trường Rạng Đông và 25 km đường làng nhỏ hẹp, cốt đường yếu; 60 km đường dong xóm nhỏ hẹp.

Vấn đề 3. Vệ sinh môi trường đang là vấn đề lo lắng của người dân, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi chưa được xử lý hợp vệ sinh, tỷ lệ nhà vệ sinh tạm còn cao (814 nhà vệ sinh tạm chiếm 20%); Mặc dù xã đã tổ chức thu gom rác thải với tần suất 2 lần/tuần về bãi rác nhưng chưa được xử lý rác thải tại bãi hợp vệ sinh.

Vấn đề 4. An toàn tính mạng và tài sản nhân dân trong mùa mưa bão, nhất là bão lớn (siêu bão) là vấn đề lo lắng của người dân, do:

- Kiến thức về phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân, giáo viên và học sinh còn hạn chế do địa phương ít bị ảnh hưởng hoặc tác động nhẹ bởi thiên tai nên người dân còn chủ quan, chưa chủ động trang bị những kiến thức cần thiết cho bản thân. Đội ứng phó được thành lập 16/16 xóm với tổng số 370 người, mỗi đội có từ 20 thành viên trở lên, phần lớn chưa được tập huấn về kiến thức, kỹ năng phòng ngừa ứng phó thảm họa, nhất là kiến thức và kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu, cứu hộ, cứu nạn và trang bị phương tiện, dụng cụ (phao, áo phao, đèn pin, mũ bảo hiểm, cưa máy,...).

- Thông tin cảnh báo cho người dân còn hạn chế (hệ thống truyền thanh xuống cấp, chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay, chưa có bảng tin, biển cảnh báo lắp đặt tại cộng đồng, vùng nguy cơ, đoạn đường nguy cơ cao).

- Tỷ lệ nhà bán kiên cố cao (chiếm khoảng 75%, trong đó có khoảng 5% nhà không an toàn trước thiên tai); 165 hộ có nhà ở ven đê bồi Ngọc Lâm, 57 hộ ven sông Đáy và gần 300 hộ nuôi trồng thủy hải sản ở nhà tạm trong coi ao, đầm có nguy cơ cao khi thiên tai xảy ra.

Dựa vào ý kiến người dân, trong báo cáo này Nhóm đánh giá đề xuất các giải pháp đề Chính quyền địa phương xem xét cùng người dân tại xã nhằm giải quyết những khó khăn, thách thức mà địa phương đang phải đối mặt. Để giải quyết được các nhóm vấn đề này cần có

sự đồng thuận và phối hợp hành động thiết thực, đồng bộ của Chính quyền địa phương cũng như người dân và sự hỗ trợ từ cấp trên.

Báo cáo VCA đã được thông qua tại cuộc họp các ban ngành của xã Nghĩa Hải ngày 06 tháng 6 năm 2014 và được Chính quyền xã thống nhất cao với những kết luận mà Nhóm đánh giá đã đưa ra sau thời gian làm việc tại địa phương.

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ, VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

1. Khái niệm đánh giá VCA

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó (tên tiếng Anh Vulnerability and Capacity Assessment, viết tắt là VCA) gồm 1 quá trình thu thập và phân tích thông tin về các hiểm họa mà người dân ở địa phương phải đối mặt, mức độ khác nhau của tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với các hiểm họa xảy ra đơn lẻ hoặc đồng thời, và khả năng phục hồi sau đó.

Mục đích chính của VCA là cho phép cộng đồng xác định và hiểu rõ tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó của họ và các hiểm họa mà họ phải đối mặt. Việc này giúp xác định các ưu tiên ở địa phương để giảm tình trạng dễ bị tổn thương quanh họ và phát triển năng lực của cộng đồng.

2. Các thuật ngữ sử dụng trong VCA

Tình trạng dễ bị tổn thương (viết tắt là TTDBTT): Là phạm vi một cá nhân, cộng đồng, cơ cấu, hoạt động dịch vụ hoặc một vùng địa lý dễ bị thiệt hại hoặc gián đoạn do tác động của một hiểm họa cụ thể. Đơn giản hơn đó là những đặc điểm yếu, thiếu, kém, không an toàn sẽ làm tăng mức độ thiệt hại của cá nhân, cộng đồng khi xảy ra hiểm họa.

Khả năng (viết tắt là KN): Là các nguồn lực và kỹ năng mà người dân sở hữu, có thể phát triển, huy động hoặc tiếp cận nhằm cho phép họ ứng phó, chống chịu với những hiểm họa có thể xảy ra. Khả năng có thể là tài sản vật chất, là các kỹ năng của cá nhân, cộng đồng hoặc các hệ thống phúc lợi quốc gia.

Hiểm họa (viết tắt là HH): Là hiện tượng tự nhiên hoặc do con người có thể gây thiệt hại về vật chất, mất mát về kinh tế, hoạt động đe dọa cuộc sống và chất lượng cuộc sống của con người nếu nó xảy ra.

Rủi ro (viết tắt là RR): Là những mất mát tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, sinh kế, tài sản và dịch vụ mà có thể xảy ra đối với một cộng đồng hoặc xã hội trong một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

Thảm họa: Là một sự gián đoạn nghiêm trọng sự vận hành chức năng của một xã hội, gây ra mất mát lớn về người, vật chất và môi trường, vượt quá khả năng chống chịu bằng nội lực của cộng đồng bị tác động.

SWOT: Là từ viết tắt tiếng Anh xuất phát từ 4 chữ (strengths, weaknesses, opportunities, threats), có nghĩa là (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức). Đây là phương pháp phân tích một vấn đề dựa trên 4 khía cạnh nhằm tìm ra những điểm mạnh cũng như điểm yếu hiện tại và trong tương lai mà cộng đồng có thể sử dụng để đối mặt với vấn đề đó.

Biến đổi khí hậu (viết tắt là BĐKH): Là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định từ tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi thời tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn địa cầu.

3. Quy trình thực hiện VCA

Hoạt động đánh giá VCA được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong 5 ngày. Nhóm đánh giá VCA bao gồm 6 hướng dẫn viên được đào tạo, các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ hỗ trợ hậu cần. Năm bước tiến hành VCA gồm có:

- Bước 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch đánh giá VCA
- Bước 2: Thu thập thông tin bằng cách sử dụng các công cụ trong VCA
- Bước 3: Phân tích và kiểm chứng các thông tin thu được từ cộng đồng
- Bước 4: Lập kế hoạch chuyên đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro
- Bước 5: Báo cáo và giám sát hỗ trợ việc thực hiện

4. Kết quả mong đợi của đánh giá VCA

Huy động sự tham gia của lãnh đạo Chính quyền xã, người dân tại các xóm (tổng cộng khoảng 400 người). Thông qua các cuộc họp phỏng vấn, làm việc nhóm để nâng cao năng lực của cộng đồng dân cư.

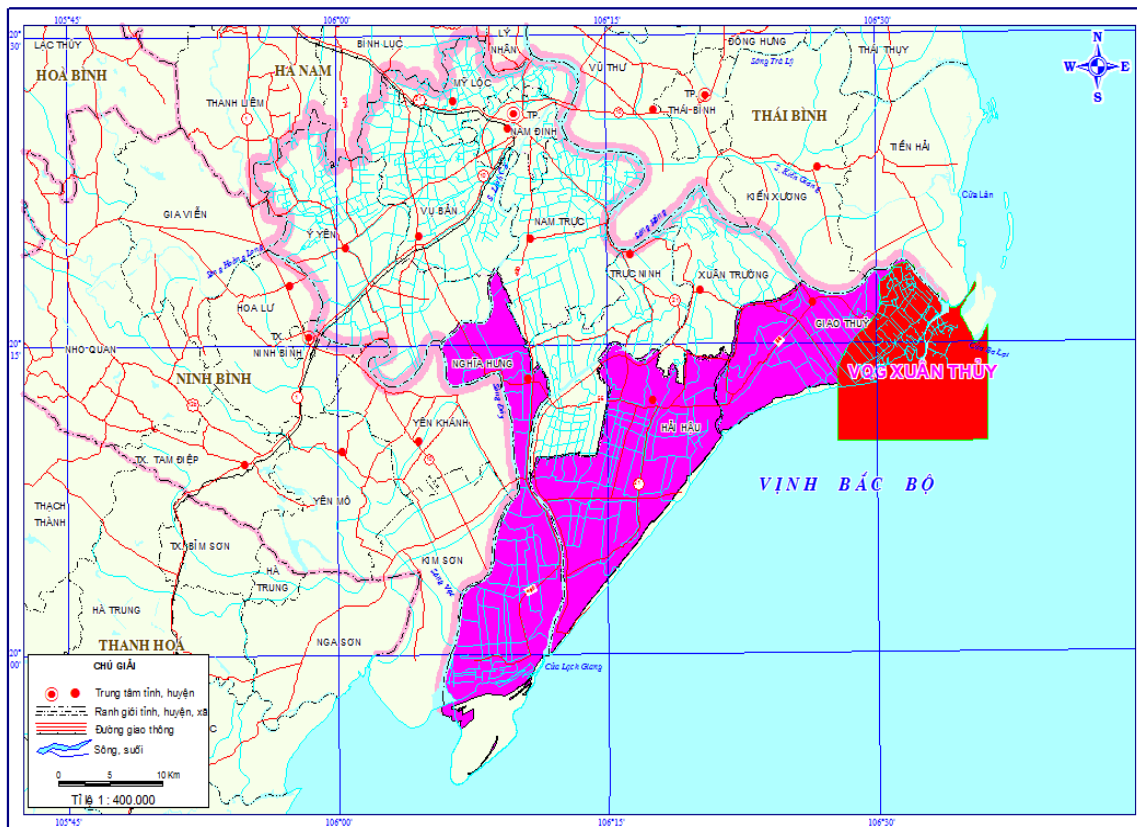
Kết thúc 5 ngày Nhóm đánh giá VCA đã thu được bản phác thảo kết quả báo cáo VCA.

Cam kết của chính quyền cấp xã, huyện về việc sử dụng kết quả báo cáo VCA vào các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai của địa phương.

1. Các thông tin cơ bản về xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu

1.1.1. Tỉnh Nam Định



Bảng 1. Bản đồ tỉnh Nam Định

Nam Định là tỉnh ven biển phía đông nam đồng bằng châu thổ Sông Hồng, tọa độ địa lý từ 19 độ 55 phút đến 20 độ 16 phút vĩ độ bắc và 106 độ đến 106 độ 33 phút kinh độ đông. Phía đông giáp tỉnh Thái Bình, phía tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía nam và đông nam giáp biển Đông, phía bắc giáp tỉnh Hà Nam. Nam Định nằm trong vùng ảnh hưởng của khu vực tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 90 km, cách cảng Hải Phòng 100 km, đó là các trọng điểm kinh tế lớn trong giao lưu, tiêu thụ hàng hóa, trao đổi kỹ thuật, công nghệ, thông tin và kinh nghiệm quản lý kinh doanh.

Các đặc điểm khí hậu cơ bản

Cũng như các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Định mang khí hậu cận nhiệt đới nóng ẩm. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23 - 24°C. Tháng lạnh nhất là các tháng 12 và tháng 1, với nhiệt độ trung bình từ 16 - 17°C. Tháng 7 nóng nhất, nhiệt độ khoảng trên 29°C. Lượng mưa trung bình trong năm từ 1,750 - 1,800 mm, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa

ít mưa từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Số giờ nắng trong năm: 1,650 - 1,700 giờ. Độ ẩm tương đối trung bình: 80 - 85%.

Mặt khác, do nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ nên hàng năm Nam Định thường chịu ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân từ 4 - 6 cơn/năm. Thủy triều tại vùng biển Nam Định thuộc loại nhật triều, biên độ triều trung bình từ 1,6 - 1,7 m; lớn nhất là 3,31 m và nhỏ nhất là 0,11 m.

1.1.2. Xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định



Bảng 2. Bản đồ xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng

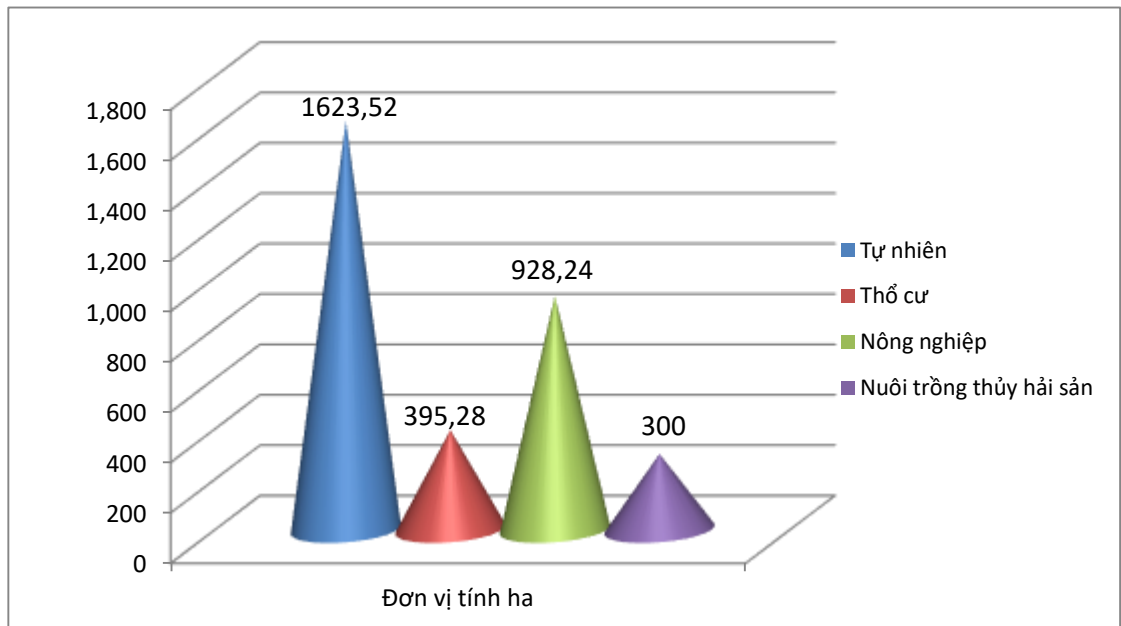
Nghĩa Hải là xã ven biển nằm phía tây nam huyện Nghĩa Hưng, cách trung tâm huyện 40km. Phía bắc giáp Nghĩa Hưng và Nghĩa Hưng; phía nam giáp thị trấn Rạng Đông, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng và thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (ranh giới tự nhiên là sông Đáy); phía đông giáp xã Nghĩa Lâm; phía tây giáp xã Cồn Thoi và Kim Tân, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (ranh giới tự nhiên là sông Đáy). Xã Nghĩa Hải có những đặc điểm thời tiết khí hậu tương đồng so với thời tiết chung của tỉnh Nam Định. Xã Nghĩa Hải là 1 xã có thu nhập đời sống trung bình so với 25 xã, thị trấn của huyện Nghĩa Hưng.

1.2. Tài nguyên thiên nhiên

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã 1.623,52 ha trong đó:

- Đất thổ cư: 395,28 ha.
- Đất nông nghiệp: 928,24 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 300 ha (74,84 ha khu vực Cồn xanh, 225 ha ngoài đê).



Bảng 3. Biểu đồ sử dụng đất

Nguồn nước sử dụng của người dân trong xã chiếm 90% là nước giếng khoan (3.684 giếng khoan/4.071 hộ) người dân dùng nước giếng khoan hợp vệ sinh để sinh hoạt (trong đó có 387/3.684 giếng khoan có bể lọc, chiếm 10,5%). Nguồn nước ngầm hiện tại đủ dùng nhưng cũng đã có hiện tượng cạn kiệt nên trong tương lai cần được cấp nước tập trung.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Xã Nghĩa Hải được thành lập năm 1931. Trải qua các thời điểm lịch sử đã nhiều lần thay đổi tên gọi và phạm vi địa lý hành chính. Lúc đầu là các làng Sỹ Lâm Nam, Sỹ Hội, Văn Giáo, Ân Phú, Nghĩa Dục, Ngọc Lâm tồn tại như các xã biệt lập nằm trong tổng Mỹ Lâm. Đến tháng 1 năm 1946 các làng Sỹ Hội, Sỹ Lâm, Văn Giáo, Ân Phú nhập vào thành xã Việt Hùng. Các làng Nghĩa Dục, Ngọc Lâm thành xã Nam Hải. Tháng 3 năm 1946 Việt Hùng và Nam Hải hợp nhất thành xã Việt Hùng. Năm 1956 Việt Hùng tách ra thành 2 xã là Nghĩa Hùng và Nghĩa Hải. Các thôn Ngọc Lâm, Nghĩa Dục, Ân Phú, Đồng Văn, Phú Thọ hợp thành xã Nghĩa Hải. Đến năm 1973 hai thôn Phú Giao và Hưng Thịnh Phú được chuyển từ Nghĩa Hùng về Nghĩa Hải nên địa dư hành chính xã Nghĩa Hải được ổn định từ đó cho tới nay có 16 xóm (xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phú Thọ; xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Nam Hải; xóm 1, 2 Ngọc Lâm).

1.4. Cơ sở hạ tầng

Trụ sở xã được xây dựng từ năm 2012, có một số phòng làm việc cao tầng nằm ở khu vực trung tâm của xã dọc theo tuyến đường trục liên xã đi qua, thuận lợi cho công việc và phục vụ công dân trong xã. Xã Nghĩa Hải xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ:

- Giao thông toàn xã được cứng hóa. Có 2 đường trục xã 7,5 km (trục đường Lâm Hùng chạy từ giáp xã Nghĩa Hùng qua trung tâm của xã tới cổng Tòa dài 4 km; trục đường Hùng Hải Đông từ giáp xã Nghĩa Hùng qua phía tây làng Hưng Thịnh Phú dài 3, 5 km); 25 km đường làng được rải nhựa hoặc bê tông và 60 km đường đong xóm đã được bê tông. Nhưng nhìn chung đường xuống cấp, nhỏ hẹp đi lại khó khăn, dễ rủi ro và khó khăn cho lưu thông phát triển kinh tế.

- Hệ thống kênh mương thủy lợi (15 km kênh mương cấp 1; 25 km cấp 2; 60 km cấp 3) và nhiều cầu cống thuận lợi tưới tiêu cho sản xuất. Tuy vậy nhiều đoạn kênh mương bị xuống cấp, bồi lắng và nhân dân thiếu ý thức bảo vệ làm hẹp dòng chảy ảnh hưởng đến tưới tiêu dẫn đến tình trạng ngập úng dài ngày thiệt hại sản xuất nông nghiệp vụ mùa ở diện rộng trên toàn xã. Xã có 2 chợ (chợ Ngọc Lâm ở xóm 7 Nam Hải, chợ Điểm ở xóm 5 Phú Thọ với 4 dãy chợ, có 1 chợ tự phát ở xóm 2 Nam Hải) đảm bảo buôn bán hàng hóa, tiêu thụ nông sản thực phẩm trong xã.

- Trên địa bàn xã có 5 khu trường học cao tầng với 68 phòng. Trong đó trường Mầm non gồm 2 khu, khu trung tâm có 1 nhà cao tầng, gồm 12 lớp học và khu Ngọc Lâm có 3 lớp với 661 cháu và 49 giáo viên; Có 2 trường Tiểu học, 4 nhà cao tầng với 32 lớp, 956 học sinh và 54 giáo viên; Trường Trung học cơ sở có 2 nhà cao tầng với 21 lớp, 751 học sinh, 44 giáo viên; cấp Tiểu học và Mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1. Tuy nhiên cơ sở trường lớp vẫn còn chưa đủ (thiếu từ 15 - 17 phòng học Mầm non, 8 phòng học cho học sinh Trung học cơ sở).

- Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, có 10 giường bệnh, 2 bác sĩ, 3 y sĩ, 16/16 xóm đều có y tế cơ sở phục vụ nhân dân khi có tình huống bệnh tật, tai nạn thương tích ở cộng đồng. Xã đã đầu tư xây dựng 5/16 nhà văn hóa (xóm 3, 5, 6 Phú Thọ và xóm 4, 7 Nam Hải). Trong đó nhà văn hóa xóm 3 Phú Thọ vận động người con quê hương làm ăn xa ủng hộ 1,5 tỷ đồng để xây dựng nhà văn hóa và mua sắm trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Các xóm còn lại đã có qui hoạch đất xây dựng nhà văn hóa nhưng chưa có kinh phí xây dựng nên việc sinh hoạt dân cư các xóm này nhờ vào nhà dân hoặc Hội trường các hợp tác xã nông nghiệp.

- Hệ thống điện lưới quốc gia đã phủ khắp 16/16 xóm của xã, 100% người dân đã sử dụng điện theo giá chính thức của Nhà nước. Do mạng lưới điện xây

lắp lâu năm (từ năm 1992) đã xuống cấp, chất lượng đường dây và trạm biến áp kém, thường bị quá tải giờ cao điểm, nhất là mùa nắng nóng.

- Nước sinh hoạt của người dân trong xã chủ yếu là nước giếng khoan, trong đó có khoảng 10,5% (tương đương 378/3684 giếng khoan) hộ dân dùng bể lọc. Các xóm 2, 3 Nam Hải nước bị nhiễm sắt. Hiện tượng cạn kiệt nguồn nước ngầm ngày càng nhiều (phải dùng máy công suất lớn mới bơm được nước từ giếng lên). Nên trong tương lai gần cần được cung cấp nước sạch tập trung.

1.5. Dân cư

- Toàn xã có 16 xóm (tên gọi xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phú Thọ; xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Nam Hải; xóm 1, 2 Ngọc Lâm).

- Tổng số hộ tính đến 31/12/2013: 4.071 hộ, 16.079 nhân khẩu (nam 8.069, nữ 8.010).

- Cơ cấu độ tuổi: trẻ em dưới 16 tuổi: 5.179 (nam 2.693, nữ 2.485; từ 16 tuổi đến dưới 60: 10.659; người già: 1.441 (từ 80 tuổi trở lên có 388); người khuyết tật: 181; người nhiễm chất độc da cam: 148.

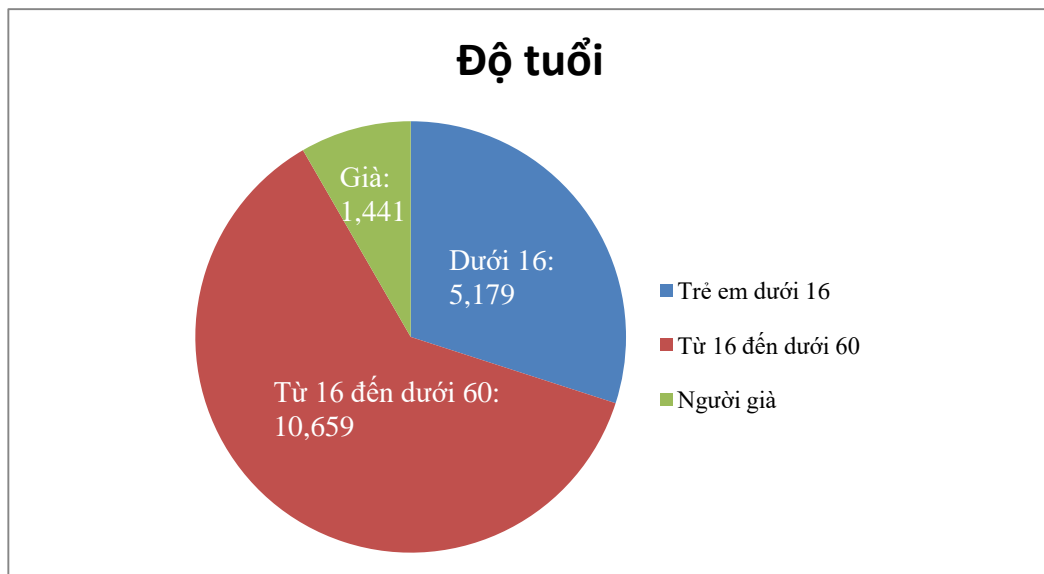
- Người trong độ tuổi lao động: 9.140 (nữ 5.329, chiếm 58,3%; nam 3.811, chiếm 41,7%).

- Tỷ lệ hộ nghèo: 6,8% (281 hộ, 1.313 khẩu).

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: 7,84% (306 hộ, 1.418 khẩu).

- Dân tộc: chủ yếu dân tộc Kinh.

- Tôn giáo: có 7.719 người theo đạo Phật, 8.362 người theo đạo Thiên Chúa.



Bảng 4. Biểu đồ độ tuổi lao động

1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội

Xã Nghĩa Hải có cơ cấu tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể - Tổ chức xã hội từ xã đến 16 xóm hoạt động hiệu quả. Có 24 chức danh định biên chuyên

trách. Trong đó trình độ đại học 3, trình độ trung cấp 21. Lãnh đạo UBND xã gồm có 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch, các cán bộ công chức chuyên môn và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội CTĐ, mỗi tổ chức đều có BCH xã và mạng lưới đến khu dân cư. Đại diện lãnh đạo MTTQ, các Đoàn thể chính trị của xã đều có tham gia làm thành viên BCH phòng chống lụt bão của xã và được phân công theo chức năng nhiệm vụ trong các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH. Hội Chữ thập đỏ xã thành lập ngày 22/6/1991, hiện nay Ban chấp hành Hội CTĐ xã có 15 ủy viên BCH, 21 chi Hội với 320 hội viên. Hội CTĐ xã có vai trò nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo - từ thiện, giúp đỡ các đối tượng dễ bị tổn thương. Tuy vậy, mạng lưới cán bộ tình nguyện viên kiến thức và kỹ năng hoạt động công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ còn hạn chế; điều kiện phương tiện hoạt động còn thiếu thốn khó khăn, nhất là các phương tiện, thiết bị phòng ngừa ứng phó thiên tai - thảm họa cho lực lượng thanh niên xung kích.

1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

1.7.1. Kinh tế

Xã Nghĩa Hải có cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, có các ngành nghề như: nông nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, là xã có thu nhập đời sống trung bình so với các xã của huyện Nghĩa Hưng. Thu nhập bình quân: 21 triệu đồng/người/năm¹.

Xã Nghĩa Hải dân số đông, lao động dồi dào, sinh sống bằng nhiều ngành nghề tại địa phương và có khoảng 10% lao động làm ăn xa kiếm sống. Theo báo cáo số 07/BC-UBND xã Nghĩa Hải ngày 25/12/2013 về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013 của xã: Sản xuất lúa 2 vụ với tổng diện tích gieo cấy đạt 100% (928,24 ha/928,24 ha), bình quân năng suất đạt 112,37 tạ/ha (vụ chiêm xuân đạt 69,37 tạ/ha; vụ mùa đạt 43 tạ/ha), tổng sản lượng lương thực đạt 9.130,29 tấn, bình quân lương thực đầu người chiếm 567,8 kg/người/năm. Đồng thời theo đánh giá từ lãnh đạo UBND xã, vụ chiêm năm 2014 đang thí điểm 2 mô hình lúa “Cánh đồng mẫu lớn” (cánh đồng Đông Biên 30 ha, cánh đồng Tiền Đồng 10 ha) nhằm đưa năng suất tăng, giảm chi phí, tạo sản xuất liên kết vùng thuận lợi. Mô hình cánh đồng mẫu lớn thành công sẽ nhân rộng trong nhân dân thực hiện tốt hơn việc chuyển đổi mùa vụ, giống cây trồng. Bên cạnh đó, đàn gia súc gia cầm tăng lên đáng kể, tổng đàn đến nay 45.743 con (trâu, bò 117 con; lợn 3.200 con; gia cầm 42.426 con). Nuôi trồng thủy hải sản mỗi năm đạt 180 tấn, khai thác đạt 3.000 tấn, chế biến đạt 2.000 tấn, thiết thực tăng thu

¹ Nguồn: UBND xã Nghĩa Hải cung cấp

nhập kinh tế gia đình, góp phần tăng trưởng kinh tế toàn xã. Tuy vậy, về phát triển kinh tế của xã luôn bị tác động của thời tiết, khí hậu, qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ dân (đại diện hộ phỏng vấn: nam 14, nữ 6, trong đó có 2 hộ nghèo, 5 cận nghèo, trung bình 9, khá 2, giàu 2) có 15 ý kiến lo sợ rủi ro thiên tai làm giảm sản lượng và mất mùa; 11 ý kiến lo sợ chết cây trồng và vật nuôi; 09 ý kiến lo sợ mất phương tiện, mất đất sản xuất.

1.7.2. Xã hội

Xã quan tâm tới việc truyền thông về giáo dục, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà Nước cho nhân dân; đẩy mạnh hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao; giáo dục và đào tạo, y tế - dân số gia đình và trẻ em đạt nhiều kết quả tốt (giáo dục Mầm non, Tiểu học và y tế đạt chuẩn quốc gia); tỷ suất sinh 15% giảm so cùng kỳ năm ngoái 2%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,95 %; chăm lo tốt cho các đối tượng chính sách, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, hộ nghèo, cận nghèo và thực hiện trả trợ cấp xã hội theo qui định của Nhà nước, góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai cho các đối tượng dễ bị tổn thương. Trong năm 2013, công tác y tế chú trọng khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và đối tượng có bảo hiểm với 22.530 lượt người, đạt 105% kế hoạch. Sự tích cực trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân không để dịch bệnh và tai biến xảy ra, chú trọng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức tốt công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi và thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế Quốc gia. Nhưng về đời sống xã hội nhân dân trong xã còn lo lắng nhiều vấn đề khác nhau. Qua phỏng vấn hộ đã có các ý kiến lo sợ khác nhau về vấn đề tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, cháy nổ, mất tài sản, dịch bệnh ở người do tác động thảm họa thiên tai (20/20 ý kiến lo sợ tai nạn giao thông; 20/20 ý kiến bức xúc về ô nhiễm môi trường; 08/20 ý kiến lo sợ không an toàn do cháy nổ; 16/20 ý kiến lo lắng bệnh dịch ở người lây lan qua đường nước sạch, vệ sinh môi trường).

2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần

2.1. Sinh kế

Người dân xã Nghĩa Hải sinh sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản. Ngoài ra còn sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cải thiện đời sống nhân dân, bình quân thu nhập đầu người đạt 23 triệu người/năm. Tuy vậy sinh kế người dân còn nhiều hạn chế về kiến thức khoa học kỹ thuật, phương pháp tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dịch vụ con giống cho nuôi trồng thủy hải sản, vốn nâng công suất tàu thuyền cho đánh bắt xa bờ... Các ngành nghề sinh kế nói trên đều lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiếu ổn định,

tiềm ẩn nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là tình hình biến đổi khí hậu đang dẫn tới những rủi ro và thiệt hại ngày càng khó lường, gây tâm lý lo lắng cho người dân xã Nghĩa Hải.

2.2. Điều kiện sống cơ bản

Cơ sở hạ tầng của xã Nghĩa Hải đã đầu tư xây dựng phục vụ đời sống cơ bản của người dân ở mức trung bình so với các xã trong huyện Nghĩa Hưng. Giao thông trục chính của xã, đường làng, đường dong xóm cơ bản đã được rải nhựa hoặc đổ bê tông. Đến năm 2013, thực hiện theo phương châm "Nhân dân và Nhà nước cùng làm", xã đã huy động đóng góp của người dân xây dựng được 6,3 km đường bê tông dong xóm, giá trị 1.775 triệu đồng; bê tông đường phục vụ sản xuất ra đồng 2,8 km, trị giá 196 triệu đồng. Kêu gọi các nhà tài trợ trong và ngoài xã xây dựng được nhà văn hóa xóm 3 Phú Thọ, trị giá 1,5 tỷ đồng; nâng cấp cầu trước nhà ông Hưng đến cầu Hội Thọ chiều dài hơn 1km, trị giá hơn 1 tỷ đồng. Bên cạnh vận động tìm kiếm nguồn lực tại chỗ và ngoài địa phương, xã đã được nhà nước cấp một khoản kinh phí 4,2 tỷ đồng để hoàn thiện việc kè mái đê bói và đập điều tiết nước tưới tiêu khu vực Ngọc Lâm. Tuy nhiên, đường giao thông của xã xuống cấp, nhỏ hẹp đi lại khó khăn còn nhiều, nhất là trong mùa mưa bão nguy cơ cao về rủi ro tính mạng; hệ thống kênh mương do bè, rác thải làm ách tắc dòng chảy dẫn đến tưới tiêu kém; mạng lưới điện xây dựng từ lâu năm (từ năm 1993 đến nay) nên xuống cấp dẫn đến mất điện giờ cao điểm, nhất là trong mùa nắng nóng tình trạng điện sụt áp xảy ra thường xuyên. Bên cạnh đó, nguồn nước ngầm nhân dân sử dụng đủ cả năm nhưng do ảnh hưởng nắng nóng nên ngày càng cạn kiệt. Vệ sinh môi trường cũng đang là một trong những vấn đề lo lắng của người dân, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi chưa được xử lý hợp vệ sinh, tỷ lệ nhà vệ sinh tạm còn cao, mặc dù xã đã tổ chức thu gom rác thải với tần suất 2 lần/tuần về bãi rác nhưng rác tập trung tại bãi chưa được xử lý hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường.

2.3. Sự tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình và sự bảo vệ xã hội.

Hầu hết người dân có ý thức bảo vệ tính mạng và tài sản khi có thiên tai. Tuy nhiên kiến thức về phòng chống thiên tai của họ còn hạn chế. Tỷ lệ người biết bơi thấp, trang thiết bị khi tàu ra khơi đánh bắt chưa an toàn. Còn nhiều hộ ven đê, ven sông và các hộ nuôi trồng thủy hải sản ở nhà tạm trông coi ao, đầm ngoài đê nguy cơ cao về thiệt hại tính mạng khi có mưa bão xảy ra. Nhưng kiến thức, kỹ năng các giải pháp an toàn cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng của họ còn hạn chế. Hơn nữa, giáo viên, học sinh chưa được thường xuyên tập huấn, cập nhật đầy đủ về kiến thức giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết quả phỏng vấn hộ khác nhau: Về nhà ở có mức độ an toàn quanh nhà, có

8/20 người trả lời có, 11/20 người trả không; về rào chắn quanh nhà để bảo vệ có 9/20 người trả lời có, có 11/20 người trả lời không; Có 9/20 trả lời trẻ em tự đi học, 2/20 người trả lời trẻ em được cha mẹ đưa đi học (số hộ được phỏng vấn còn lại không có trẻ em). Như vậy cho thấy sự hiểu biết để chủ động bảo vệ của người dân để giảm thiểu rủi ro thiên tai còn hạn chế.

2.4. Sự bảo vệ xã hội

Xã và các xóm rất quan tâm đến công tác phòng ngừa ứng phó thiên tai; tổ chức các lực lượng ứng phó cộng đồng trong mùa mưa bão. Trong năm 2013, xã tổng kết công tác phòng chống lụt bão, kiện toàn BCH phòng chống lụt bão có đủ các ban ngành, đoàn thể tham gia và có phân công nhiệm vụ cụ thể, thực hiện phương châm 4 tại chỗ. Xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ đê, vùng xung yếu, tổ chức lực lượng thường trực 24/24h khi có thông tin bão, lụt sắp xảy ra, để kịp thời ứng phó. Nhưng lực lượng này chưa được tập huấn và trang bị phương tiện thiết yếu để cứu hộ, cứu nạn an toàn. Cán bộ chủ chốt của Chính quyền, Đoàn thể - xã hội ít được tập huấn về kiến thức biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, thiếu nội dung, tài liệu để tuyên truyền cho cán bộ hội viên và nhân dân.

Bên cạnh đó, hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, hư hỏng; chưa có bảng tin, biển báo lắp đặt nơi công cộng, vùng nguy cơ cao. Trường học chưa có chương trình, nội dung giới thiệu kiến thức phòng ngừa thảm họa cho học sinh, nhất là học sinh lớp 4, lớp 5 (đối tượng dễ tổn thương trên đường từ nhà đến trường, đi học về trên đê bồi nhất là đi qua các đoạn đường xuống cấp, ngập nước trong mưa bão). Trong mưa bão thường bị mất điện nên hệ thống truyền thanh xã không hoạt động được, nhưng chưa có phương tiện khác như âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế để thông tin cảnh báo về thiên tai kịp thời cho người dân.

Ngoài ra, nhà trường và cộng đồng, xã, xóm chưa có điều kiện dạy bơi cho người dân, nhất là dạy bơi cho đối tượng trẻ em, học sinh.

2.5. Tổ chức Xã hội/ Chính quyền

Hệ thống tổ chức Đảng, Chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội từ xã đến xóm được thường xuyên củng cố, kiện toàn đảm bảo thực hiện triển khai các chương trình kế hoạch giảm thiểu rủi ro, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhưng về cơ chế, chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện dành cho công tác phòng chống thiên tai còn ít và khó khăn. Cán bộ địa phương chưa được tập huấn nhiều, nhất là tập huấn cho BCH phòng chống lụt bão và lực lượng ứng phó cộng đồng về kiến thức giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng. Hơn nữa, các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích

ứng biến đổi khí hậu chưa được lồng ghép nhiều vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ít được lồng ghép vào chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể xã hội.

3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương

3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội

3.1.1. Các loại hiểm họa, thiên tai, xu hướng biến động

Nghĩa Hải là xã ven biển hàng năm chịu ảnh hưởng các hiểm họa tự nhiên như áp thấp nhiệt đới - bão, lụt, giông sét, sạt lở đất và những hiện tượng thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu như: nắng nóng, mưa trái mùa, nhiễm mặn xảy ra với mức độ tác động nghiêm trọng. Theo thông tin cung cấp của UBND xã trong 8 năm qua (2005 - 2013) có 29 trận bão và 6 trận lụt đáng nhớ, đã có 820 người phải cứu trợ khẩn cấp khi lụt, bão xảy ra, thiệt hại lúa, cây trồng là 3.550 ha (trừ năm 2009 và 2012, mỗi năm thiệt hại từ 300 đến 800 ha), 12.500 con gia cầm bị chết, 93 ngôi nhà tốc mái, sạt lở đê sông với khối lượng đất tương đối nhiều, ước tính tổng thiệt hại lên tới 6 tỷ đồng.

Theo nhận định của người dân tình hình các loại hiểm họa tự nhiên không lường trước được, ngày càng phức tạp hơn, nhất là bão lớn (siêu bão) xảy ra. Các hiện tượng nắng nóng kéo dài sẽ gây nhiễm mặn, làm cạn kiệt nguồn nước ngầm; mưa trái mùa và lượng mưa phân bố không đều (mùa nắng ít, mùa mưa nhiều) thiên tai ảnh hưởng đến tính mạng tài sản và môi trường sống của người dân nên cần có kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu của mọi người, mọi nhà trong cộng đồng.

Tác động, thiệt hại đối với nhóm người dễ bị tổn thương: (xem bảng phân tích dưới đây).

Nhóm phụ nữ nghèo			
Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp/ứng phó
Mất mùa, giảm năng suất lúa ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống	- Thiếu vốn đầu tư - Thiếu lao động chính (không ít hộ thiếu lao động nam, phụ nữ phải gánh vác trách nhiệm nặng nhọc và thường đối mặt với nhiễm độc do tiếp xúc với nhiều hóa chất, thuốc trừ	- Có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng lúa	- Cần hỗ trợ vốn vay để đầu tư cho sản xuất. - Cần chuyển đổi diện tích trồng lúa bị nhiễm mặn, ngập úng sang nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển đổi giống

	<p>sâu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích lúa bị nhiễm mặn, ngập úng. - Dịch bệnh - Hệ thống cống, kênh mương xuống cấp, thoát nước chậm nên một số diện tích bị ngập úng. 		<p>cây trồng phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh. - Cần nạo vét kênh mương.
<p>Thiệt hại tính mạng và ảnh hưởng sức khỏe. (Bị ngộ độc thuốc và say nắng trong khi phun thuốc sâu, ngã dàn rào khi đi phụ xây)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không có nam giới phụ nữ phải phun thuốc trừ sâu. - Phụ hồ trên dàn rào cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có trang bị bảo hộ lao động. - Có kinh nghiệm lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có dịch vụ phun thuốc trừ sâu, phụ nữ không nên làm việc này. - Cần lao động nghề phù hợp với phụ nữ; vận chuyển vật liệu xây dựng bằng ròng rọc, cơ giới không để phụ nữ kéo hồ, vật liệu xây dựng trên cao.
<p>Thiệt hại nhà cửa do bão gây ra</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở không an toàn trước thiên tai, không có nam giới chằng chống 		<ul style="list-style-type: none"> - Cần giúp đỡ của cộng đồng chằng chống nhà, sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn.
<p>Chết người do đuối nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thu lượm, bắt hải sản ven biển gặp triều dâng 	<p>Kêu cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học bơi, mặc áo phao, mang phao cứu sinh khi đi thu lượm, bắt hải sản ven biển
Người khuyết tật và người thu nhập thấp			
Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp/ứng phó
<p>Mất vốn đầu tư sản xuất dẫn đến mắc nợ do gặp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn phải đi vay mượn lãi suất cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có chính sách hỗ trợ người nghèo vay vốn lãi suất thấp.

phải thiên tai.			
Thiệt hại nhà cửa do bão	- Nhà ở xuống cấp không an toàn trước thiên tai.	- Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa.	- Cần giúp đỡ của cộng đồng, chương trình nhà Đại đoàn kết của Mặt trận, nhà tài trợ để nâng cấp nhà an toàn.
Sức khỏe của người nghèo bị ảnh hưởng do đời sống khó khăn	- Ăn uống thiếu chất - Không có tiền mua thuốc chữa bệnh khi ốm đau	- Được cấp thẻ bảo hiểm y tế	- Cần đầu tư các ngành nghề phụ để tạo thu nhập - Cần xây dựng phòng khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho người nghèo
Người khuyết tật có nguy cơ dễ bị thiệt hại tính mạng khi sơ tán trong mùa bão lũ	- Gặp khó khăn khi di chuyển do khuyết tật vận động - Tiếp cận thông tin bị hạn chế do trí tuệ kém phát triển		- Cần có chương trình hỗ trợ phục hồi chức năng cho người khuyết tật - Cần hỗ trợ phương tiện đi lại (xe lăn, xe lắc, tay chân giả)
Nhóm học sinh và giáo viên			
Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp/ứng phó
Đe dọa tính mạng Học sinh do tai nạn giao thông	- Đường đi từ trường học đến chợ Ngọc Lâm hẹp và xuống cấp, đê đất. Một số học sinh đi học xa gặp khó khăn (khoảng cách từ nhà đến trường 4-5 km), nhất là khi có mưa bão. - Tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế thấp (50%)	- Được cha mẹ và nhà trường tuyên truyền về an toàn giao thông và phòng tránh khi có mưa bão.	- Cần tu sửa, mở rộng, nâng cấp đường, kiên cố mặt đê bồi. - Cần tuyên truyền cho phụ huynh học sinh tham gia đóng bảo hiểm y tế cho con em.

Học sinh bị đuối nước	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ học sinh biết bơi thấp (80% học sinh không biết bơi) - Chưa có địa điểm dạy và học bơi cho HS 	<ul style="list-style-type: none"> - Được cha mẹ và nhà trường nhắc nhở đề phòng đuối nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần dạy bơi cho học sinh - Cần tập huấn cho GV và HS về cách phòng chống và sơ cấp cứu khi đuối nước - Cần xây dựng bể bơi để dạy bơi cho các em
Nguy cơ thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do thiên tai (học sinh bị cảm lạnh, lớp học bay mái tôn, cửa kính bị vỡ, hỏng thiết bị dạy học)	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số giáo viên và học sinh thiếu kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa-thích ứng với BĐKH. - Thiếu các tài liệu giảng dạy về BĐKH. - Trường cấp 2 đã xuống cấp, mùa mưa bão tầng 2 bị dột, sân trường ngập nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được cha mẹ và nhà trường nhắc nhở đề phòng khi có bão - Nhà trường chỉ đạo giáo viên và học sinh chủ động phòng chống bão 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tập huấn về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho giáo viên học sinh. - Cần cung cấp trang thiết bị và tài liệu về phòng ngừa thảm họa, BĐKH. - Cần sửa chữa, nâng cấp trường cấp 2
Ảnh hưởng sức khỏe giáo viên và học sinh do ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Khí thải những hộ dân chế biến hải sản (ở cạnh trường) gây ô nhiễm không khí 		<ul style="list-style-type: none"> - Cần có khu chế biến hải sản tập trung xa trường học.
Nhóm người sống trong ven đô, ven sông nguy cơ cao			
Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp/ứng phó
Mất mùa do thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Ruộng bị ngập úng và nhiễm mặn - Dịch bệnh sâu rầy 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hoạch rửa mặn - Phun thuốc trừ sâu 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần cải tạo hệ thống thủy lợi - Cần chuyển đổi mùa vụ và diện tích nhiễm mặn

			sang nuôi trồng thủy sản
Sập nhà, thiệt hại tính mạng	- 75% hộ dân có nhà bán kiên cố và nhà tạm	Chằng chống nhà cửa	- Cần hỗ trợ xây nhà kiên cố
	- 165 hộ dân vùng đê bồi xóm chùa và 57 hộ ven sông Đáy (vùng có nguy cơ cao) ảnh hưởng trực tiếp do bão lụt - Thiếu phương tiện cảnh báo và hướng dẫn phòng tránh bão	- Có khả năng tự bảo vệ bản thân khi mưa gió	- Cần qui hoạch nơi tái định cư an toàn và có chính sách hỗ trợ di dời chỗ ở cho hộ ven sông ven đê. - Cần trang bị phương tiện cảnh báo và tuyên truyền kiến thức về phòng ngừa thảm họa cho người dân
Nguy cơ bị thương tích khi sơ tán trong mùa bão lũ	- Có 800m đường đất thuộc xóm 7, 8 Nam Hải; xóm 1, 2 Ngọc Lâm là đường đất chưa được bê tông hóa.		- Cần có kế hoạch nâng cấp, tu bổ đoạn đường đất 800m

Bảng 5. Phân tích tác động, thiệt hại đối với nhóm người dễ bị tổn thương

3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần

Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp ứng phó
Hợp phần sinh kế			
Mất mùa sản xuất nông nghiệp	Khoảng hơn 900 ha diện tích sản xuất vụ mùa nằm ở vùng thấp, trũng dễ ngập úng (nếu mưa lụt sớm thì mất giống; mưa lụt muộn thì gây hại lúa trổ đòng, lúa sắp gặt), nhất là 15 ha ngập úng xóm 1 đến xóm 8 Nam Hải - Vụ chiêm xuân diện tích bị nhiễm mặn là 250 ha. (70 ha	- Gieo cấy lại khi lúa chết, mất giống. - Thu gặt sớm lúa nặng hạt sắp chín (xanh trong nhà hơn già ngoài đồng) - Thau chua rửa mặn làm giảm	- Thường xuyên thau rửa diện tích bị nhiễm mặn. - Đang xây dựng cánh đồng lúa mẫu lớn (cánh đồng Đông Biên 30 ha, cánh đồng Tiên Đồng 10 ha) vụ chiêm năm 2014, cần tổng

	<p>ngoài đê bồi, 180 ha trong đê).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng phá hoại ở diện rộng nhưng biện pháp diệt chuột và diệt ốc bươu vàng chưa có hiệu quả; thuốc bảo vệ thực vật kém hiệu quả (sâu bọ, rầy nâu không chết). - Kênh mương bị ách tắc, ý thức bảo vệ kênh mương của người dân hạn chế (lấn dòng chảy trồng cây, sản xuất, vứt rác thải....làm hẹp dòng chảy). - Chưa có trạm bơm chống úng. 	<p>nhiễm mặn trước khi cấy mạ lúa xuống ruộng.</p>	<p>kết rút kinh nghiệm nhân rộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi, thường xuyên nạo, vét, khơi thông kênh mương, thông dòng chảy. - Cần có kế hoạch chuyển đổi diện tích nhiễm mặn sang nuôi trồng thủy sản hoặc cây trồng khác. - Đưa giống lúa kháng bệnh cao vào trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc thực vật và kinh nghiệm dân gian (thường xuyên kiểm tra chất lượng thuốc diệt chuột, sâu bọ, rầy nâu) - Cần xây dựng và lắp đặt các trạm bơm nước chống úng.
<p>Thiệt hại về nuôi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước ô nhiễm. - Bờ ao, đầm thấp, yếu dễ vỡ khi 	<p>Bơm nước thau rửa thường xuyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nên thường xuyên tập huấn kiến thức khoa

<p>trồng thủy hải sản</p>	<p>có mưa bão.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm nuôi trồng hạn chế (xử lý độ mặn, nhật khi nắng nóng lâu ngày có mưa đột xuất; do thức ăn dư thừa gây ô nhiễm - Rong rêu mọc nhiều, chết trong ao, đầm. - Mua con giống ngoài địa phương (Miền Nam) khó phát hiện giống xấu, giống bị nhiễm bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh môi trường ao, đầm trước khi bỏ giống nuôi trồng. - Chia sẻ kinh nghiệm, tìm hiểu nhà cung cấp giống có chất lượng 	<p>học kỹ thuật và cung cấp tài liệu hướng dẫn nuôi trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo, hội nghị, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng. - Cần có cơ sở nuôi con giống tại địa phương và có kiểm dịch trước khi cho phép cung cấp con giống, nhằm chủ động con giống chất lượng.
<p>Thiệt hại về đánh bắt thủy hải sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện đánh bắt công suất nhỏ còn nhiều (150 tàu từ 24 CV đến 90 CV do thiếu vốn) - Trang thiết bị trên tàu chưa an toàn. - Chưa có âu trú ẩn tàu thuyền khi có gió bão. - Ngư dân thiếu kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai, chủ quan, thiếu thông tin trong lúc ra khơi đánh bắt. - Đánh bắt lưới, mú, xung điện làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm sản xuất, chính quyền hỗ trợ vay vốn - Có 65 tàu công suất trên 90 CV, 35 tàu công suất lớn từ 250 CV đến 300 CV. - Nâng công suất tàu đánh bắt hoặc chuyển đổi nghề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại. - Trang bị thiết bị trên tàu an toàn. - Cần có chính sách cho vay vốn đóng tàu công suất lớn đảm bảo đánh bắt xa bờ. - Nghiêm cấm xung điện, dùng lưới, mú đánh bắt.

			- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các qui định về an toàn tàu thuyền trước khi đánh bắt.
Thiệt hại chế biến hải sản	- Có 6 cơ sở chế biến hải sản lệ thuộc vào thời tiết nắng nóng, mưa bất thường ảnh hưởng đến sản xuất. - Hải sản bốc mùi gây ô nhiễm môi trường.	- Áp dụng kinh nghiệm dân gian. - Có lao động tại chỗ.	- Cần qui hoạch xây dựng cơ sở chế biến xa khu dân cư.
Thiệt hại về chăn nuôi	- Chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa bệnh dịch. - Có 2 trang trại chăn nuôi lợn xen kẽ trong khu dân cư làm ô nhiễm môi trường. - Mạng lưới thú y mỏng (chỉ có cán bộ thú y xã, 16/16 xóm không có cán bộ thú y).	- Tiết kiệm thức ăn thừa cho chăn nuôi và tự chế biến thức ăn chăn nuôi. - Trên địa bàn có dịch vụ cung cấp thức ăn chăn nuôi.	- Cần qui hoạch chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư. - Cần tăng cường mạng lưới thú ý giúp đỡ nhân dân phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.
Điều kiện sống cơ bản			
Sập nhà mất tài sản, phương tiện, thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, bệnh tật	- Có 75% nhà bán kiên cố không chịu được khi có gió bão lớn (trong đó có khoảng 5% nhà xuống cấp không an toàn trước thiên tai). - 165 hộ ở ngoài đê bồi (từ xóm 1 đến xóm 8 Ngọc Lâm - Nam Hải); 57 hộ ven sông Đáy và hơn 200 hộ nuôi trồng thủy hải sản ngoài đê có nhà tạm để bảo vệ ao, đầm. - Hệ thống đường giao thông liên xã, liên xóm nhỏ hẹp,	- 25 % người dân có nhà ở kiên cố. - Người dân có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa và kiến trúc phòng chống lụt bão. - Có nơi sơ tán khi bão lụt xảy ra - Xây dựng được kế hoạch để đầu tư nâng cấp.	- Tập huấn kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa. - Đầu tư, mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, dong xóm và mặt đê. - Hỗ trợ vay vốn cho người dân xây dựng bể chứa nước, làm nhà vệ

	<p>xuống cấp dễ rủi ro tai nạn, nhất là khi có mưa lụt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện lâu ngày bị xuống cấp, trụ điện yếu dễ bị đổ ngã tai nạn điện trong mùa mưa bão. - Phần lớn hộ dân chưa có bể lọc, nguồn nước ngầm cạn kiệt (so với trước đây hiện nay người dân phải dùng máy bơm công suất lớn mới hút được nước từ giếng lên). - Ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, bãi rác tập trung chưa có biện pháp xử lý hợp vệ sinh. - 20 % hộ dân chưa có hố xí hợp vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân được sử dụng điện trong sinh hoạt - Tận dụng nguồn nước mưa - Đã tổ chức thu gom và qui hoạch bãi rác thải tập trung. - 80 % hộ dân có hố xí hợp vệ sinh 	<p>sinh, nâng cấp nhà ở an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần cải tạo và nâng cấp hệ thống điện - Sớm có biện pháp xử lý rác thải tại bãi thu gom tập trung hợp vệ sinh. - Tăng tần suất thu gom rác thải trong tuần (hiện nay mới thu gom 2 lần/tuần). - Sớm có dự án cung cấp nước sạch cho người dân.
<i>Sự tự bảo vệ và bảo vệ cộng đồng</i>			
<p>Nguy cơ thiệt hại về tính mạng và tài sản do lụt, bão</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh bị xuống cấp, thông tin cảnh báo về thiên tai không kịp thời (chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế thông tin cảnh báo sớm cho cộng đồng khi mất điện hệ thống truyền thanh không hoạt động). - Chưa có các bảng tin, biển cảnh báo lắp đặt ở vùng nguy cơ cao, đoạn đường ngập nước nguy hiểm. - Đội ứng phó được thành lập từ xã đến các xóm có khoảng 370 người (mỗi đội có từ 20 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban chỉ huy phòng chống lụt bão bố trí phân công phụ trách từng địa bàn dân cư. - Đã thành lập đội ứng phó cứu hộ cứu nạn từ xã đến xóm. - Đã được nhắc nhở trong chương trình học ngoại khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh, lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo tại cộng đồng. - Cần được tập huấn, trang bị kiến thức, trang thiết bị cho lực lượng ứng phó từ xã đến các xóm. - Tập huấn tuyên truyền về phòng ngừa ứng phó

	<p>người trở lên) nhưng chưa được tập huấn về kiến thức phòng ngừa ứng phó thảm họa, thiếu trang thiết bị cho lực lượng ứng phó (phao, áo phao, áo đi mưa, đèn pin, túi sơ cứu, ủng, mũ bảo hiểm, cưa máy...).</p> <p>- Tỷ lệ biết bơi, nhất là trẻ em thấp, chưa được dạy và học bơi ở cộng đồng và trường học.</p> <p>- Người đi lại khó khăn, nhất là học sinh đi học qua đê đất, đường xuống cấp, ngập nước trong mùa mưa bão.</p> <p>- Kiến thức phòng ngừa ứng phó thảm họa của người dân, giáo viên và học sinh còn hạn chế.</p>		<p>thảm họa cho người dân, giáo viên và học sinh.</p> <p>- Đầu tư xây bể bơi, tổ chức dạy bơi cho người dân và học sinh.</p> <p>- Cần xây dựng lịch học phù hợp mùa mưa bão</p>
<i>Tổ chức xã hội và chính quyền</i>			
<p>Hiệu quả công tác chỉ huy, điều hành, phòng chống thiên tai còn chưa cao</p>	<p>- Cán bộ Đảng, Chính quyền, tổ chức đoàn thể từ xã đến các xóm chưa được tập huấn nhiều về phòng ngừa ứng phó thảm họa.</p> <p>- Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai.</p> <p>- Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã còn hạn chế.</p>	<p>- Ban chỉ huy phòng chống lụt bão xã được phân công nhiệm vụ cụ thể và phụ trách các xóm.</p> <p>- Khi có thiên tai tổ chức ứng trực 24/24 kể cả các thành viên BCH và lực lượng ứng phó, đặt biệt là sẵn sàng ứng phó ở các vùng xung yếu.</p> <p>- Hàng năm có tổ</p>	<p>- Cần có cơ chế chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai.</p> <p>- Tập huấn kiến thức giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.</p>

	<p>- Thiếu kinh phí, điều kiện phương tiện cơ chế, chính sách cho việc phục vụ phòng chống thiên tai.</p>	<p>chức sơ kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai và đề ra kế hoạch năm sau</p>	
--	---	---	--

Bảng 6. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng theo các hợp phần

4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro

4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng

Qua đánh giá thu thập và phân tích thông tin, Nhóm đánh giá phát hiện được những vấn đề bức xúc của người dân:

- Giống như các xã ven biển của huyện Nghĩa Hưng, sinh kế của người dân xã Nghĩa Hải chủ yếu là trồng lúa, ngoài ra còn đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên.

+ Trồng lúa hai vụ bấp bênh do thời tiết khắc nghiệt, phát sinh dịch bệnh, côn trùng phá hại mùa màng. Phần lớn diện tích sản xuất vụ mùa do địa hình thấp trũng, hệ thống kênh mương thoát nước kém nên thường bị ngập úng hư hại lúa. Diện tích vụ chiêm có khoảng 250 ha (70 ha ngoài đê bổi, 180 ha trong đê) bị nhiễm mặn làm giảm năng suất lúa, có năm nắng nóng nhiều độ mặn cao hơn dẫn đến mất trắng. Do vậy, trồng lúa của xã chủ yếu là đảm bảo lương thực, thu nhập không có lãi, người dân mong muốn xã sớm tổng kết rút kinh nghiệm việc thí điểm mô hình trồng lúa ở 2 cánh đồng lúa mẫu lớn để phổ biến nhân rộng. Đối với diện tích trồng lúa bị nhiễm mặn không hiệu quả cần hướng dẫn người dân chuyển sang nuôi trồng thủy hải sản hoặc cây trồng khác, đảm bảo thu nhập ổn định đời sống nhân dân.

+ Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản là các lĩnh vực đầu tư vốn lớn, thu nhập khá, giải quyết được nhiều lao động có việc làm nhưng luôn bị ảnh hưởng thời tiết, khí hậu, rủi ro cao. Người dân cũng mong muốn được Nhà Nước có chính sách cho vay vốn ưu đãi để đầu tư đóng mới và nâng công suất tàu thuyền, đắp bờ ao, đầm, xây dựng cơ sở chế biến hải sản an toàn, hiệu quả hơn.

+ Sản xuất tiểu thủ công nghiệp: đan lưới và kinh doanh, dịch vụ đang mở ra nhưng chưa nhiều, đầu ra còn khó khăn, chưa tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ cho người lao động địa phương. Một bộ phận lao động hộ nghèo, hộ phụ nữ trụ cột gia đình, hộ có người khuyết tật, hộ thu nhập chính từ độc canh cây lúa

thiếu việc làm và người khuyết tật chưa tìm được việc làm. Thực trạng lao động thiếu việc làm còn nhiều, hằng năm có khoảng 10% lao động trong xã phải đi làm ăn xa (ngoài địa phương) để kiếm sống. Đặc biệt hộ nghèo, người có thu nhập thấp thiếu việc làm phải ra bãi biển thu lượm, bắt hải sản ven sông, ven biển hoặc phụ nữ không có việc làm phải đi phụ hồ cho thợ xây để kiếm sống nặng nhọc, rủi ro cao.

- Vấn đề giao thông đi lại, điện, nước, vệ sinh môi trường đang là nỗi lo của người dân: mạng lưới điện xuống cấp, nguồn nước ngầm cạn kiệt, tình trạng ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gia súc, gia cầm, chế biến thủy hải sản xen kẽ hộ dân (6 cơ sở chế biến hải sản, 2 gia trại chăn nuôi lợn), rác thải, chất thải, nhất là rác thải thu gom tập trung về bãi nhưng chưa được xử lý gây ô nhiễm nặng ở xóm 1 Nam Hải và xóm 5 Phú Thọ làm cho người dân ở đây hết sức bức xúc.

4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương

STT	Vấn đề	Cụm 1	Cụm 2	Cụm 3	Xếp hạng toàn xã
1	Người dân lo lắng thiệt hại tính mạng, mất nhà cửa, tài sản khi có thiên tai, nhất là bão lớn (siêu bão)	1	1	1	Hạng 1
2	Người dân lo lắng thiệt hại tàu thuyền, ngư lưới cụ khi có gió bão.	2	1	1	Hạng 2
3	Nhân dân lo lắng đường đi lại xuống cấp khó khăn ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản (nhất là đê bồi còn 1.200m đê đất, đoạn đường đất dài 800m ở xóm 7, 8 Nam Hải và xóm 1, 2 Ngọc Lâm đi lại trong mùa mưa bão không an toàn).	2	3	3	Hạng 3
4	Nhân dân lo lắng thiếu thông tin về diễn biến thiên tai khi có gió bão dễ bị ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản.	3	2	4	Hạng 4
5	Người dân lo lắng thiệt hại mùa màng ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống.	5	4	4	Hạng 5
6	Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.	5	5	6	Hạng 6
7	Thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống người dân.	6	6	7	Hạng 7

Bảng 7. Xác định các vấn đề ưu tiên tại địa phương

Từ 7 vấn đề bức xúc của người dân nêu trên, xét cho cùng các vấn đề này hợp thành 4 vấn đề lớn dưới đây:

4.3. Vấn đề, nguyên nhân

4.3.1. Vấn đề 1: Người dân lo lắng thiệt hại tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có thiên tai, nhất là bão lớn (siêu bão).

Nguyên nhân: Đê bồi còn hơn 1.200m đê đất; các trục đường xã, dong xóm xuống cấp, nhỏ hẹp, nhất là 800m đường đất thuộc xóm 7, 8 Nam Hải và 1, 2 Ngọc Lâm đi lại trong mùa mưa bão không an toàn; người dân còn chủ quan trong phòng chống lụt bão, hiểu biết về kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai còn hạn chế, nhất là giáo viên và học sinh. Những hộ dân sống ở ngoài đê nguy cơ cao bị sập đổ nhà cửa. Số hộ gia đình có nhà ở kém an toàn còn nhiều. Hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiếu và yếu (hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, chưa có âm ly lưu động, loa cầm tay, tại các vùng xung yếu, đoạn đường nguy hiểm chưa có bảng tin, biển cảnh báo, chưa có âu tránh trú bão tàu thuyền...).

4.3.2. Vấn đề 2: Nghề làm ruộng của người dân thường xuyên bị mất mùa giảm thu nhập.

Nguyên nhân: do tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến thời tiết thay đổi bất thường gây ra dịch bệnh rầy nâu, chuột, ốc bươu vàng sinh sản nhanh phá hại lúa; nắng nóng kéo dài làm diện tích sản xuất vụ chiêm bị xâm nhập mặn ngày càng rộng; địa hình trũng thấp, cuối nguồn nước và việc tắc nghẽn kênh mương tiêu thoát nước kém; chưa có trạm bơm chống úng nên toàn bộ diện tích sản xuất vụ mùa thường bị ngập úng kéo dài. Bên cạnh các nguyên nhân trồng lúa mất mùa do tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, lao động sản xuất nông nghiệp của xã chủ yếu là phụ nữ và người già (nam giới có sức khỏe đi làm ăn xa hoặc đi làm ngành nghề khác để kiếm sống) nên khả năng chăm sóc ruộng đồng, tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế (không ít hộ thiếu lao động nam, phụ nữ phải gánh vác trách nhiệm nặng nhọc và thường đối mặt với nhiễm độc do tiếp cận nhiều hóa chất, thuốc trừ sâu dẫn đến bệnh tật, giảm khả năng lao động sản xuất).

4.3.3. Vấn đề 3: Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe

Nguyên nhân: Rác thải (rác thải thu gom 2 lần/tuần nên rác tồn đọng khu dân cư nhiều), chất thải chăn nuôi, cơ sở chế biến hải sản xen kẽ khu dân cư, nhà tiêu chưa hợp vệ sinh còn cao, rác thải thu gom về bãi ngày càng nhiều nhưng chưa được xử lý hợp vệ sinh.

4.3.4. Vấn đề 4: Nhân dân lo lắng thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản ảnh hưởng đến thu nhập.

Nguyên nhân: Thời tiết khắc nghiệt nắng nóng kéo dài, rét đậm, mưa bất thường làm thay đổi độ mặn, cùng với việc ô nhiễm nguồn nước gây dịch bệnh; mưa bão gây vỡ bờ ao, bờ đầm, gây ngập tràn nước cuốn trôi. Bên cạnh đó các hộ nuôi trồng thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật trong việc xử lý vệ sinh môi trường ao, đầm; chọn con giống chất lượng; cho thức ăn xuống ao đầm dư thừa gây ô nhiễm nguồn nước sinh dịch bệnh.

4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro (xem phụ lục 8)

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận 1: Nhân dân lo lắng thiệt hại tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão) xảy ra.

Khuyến nghị 1

Đối với chính quyền địa phương:

- Địa phương sớm có đề xuất với cấp trên có dự án đầu tư kiên cố mặt đê (1.200m). Trước mắt kiến nghị bê tông đoạn đường đê đất dài 800m thuộc xóm 7, 8 Nam Hải và 1, 2 Ngọc Lâm đảm bảo đi lại cho nhân dân và học sinh trong mùa mưa bão an toàn. Đồng thời xây dựng kế hoạch nâng cấp mở rộng 2 trục đường xã và các đoạn đường dong xóm.

- Nâng cấp hệ thống truyền thanh, cung cấp trang thiết bị âm ly lưu động, loa cầm tay cho các xóm và các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa (phao, áo phao, áo đi mưa, ủng, mũ bảo hiểm, cửa máy...) cho các đội ứng phó từ xã đến các xóm; lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo về thiên tai ở các đoạn đường, đê kè xung yếu, vùng có nguy cơ rủi ro cao cảnh báo người dân né tránh an toàn trong mùa mưa bão.

- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cán bộ, tình nguyện viên, giáo viên, học sinh và cho người dân về kiến thức PNUPTH, nhất là tuyên truyền, hướng dẫn cho gần 300 hộ nuôi trồng thủy hải sản trong và ngoài đê có ở nhà tạm để trông giữ ao, đầm có biện pháp bảo vệ an toàn trước thiên tai.

- Vận động nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện nâng cấp nhà ở an toàn (hỗ trợ kinh phí, cho vay lãi suất thấp) trước thiên tai. Nên tìm kiếm nguồn tài trợ kinh phí xây dựng mô hình nhà an toàn trước thiên tai phù hợp với địa phương để người dân làm theo (hiện nay Bộ xây dựng cũng đã có khuyến cáo đưa ra mẫu nhà an toàn cho vùng bão, lụt cần được tham khảo).

- Quy hoạch khu tái định cư và có chính sách hỗ trợ di dời 165 hộ dân ngoài đê bồi, Ngọc Lâm và 57 hộ ven sông Đáy đến nơi mới ở an toàn.

- Sớm có dự án xây dựng âu tránh trú an toàn cho tàu thuyền khi có gió bão.

- Kiến nghị và chủ động đón đầu triển khai tốt chính sách cho vay vốn ưu đãi đóng mới nâng công suất tàu, lắp đặt trang thiết bị, thông tin cảnh báo (bộ đàm, máy định vị...) trên tàu đánh bắt hải sản xa bờ an toàn, khuyến khích ngư dân đầu tư phát triển nghề cá bền vững gắn với bảo vệ biển đảo, giữ gìn an ninh chủ quyền lãnh thổ Quốc gia.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản. Đồng thời có biện pháp quản lý ngăn chặn có hiệu quả việc đánh bắt hải sản dùng lưới, mìn, xung điện (vì lợi ích trước mắt bắt tất cả hải sản để kiếm sống) dẫn đến tiêu diệt các loài hải sản, làm cạn kiệt nguồn lợi hải sản. Để giải quyết có hiệu quả vấn đề này cũng có thể tạo nhiều cơ hội hơn cho ngư dân đầu tư lớn hơn cho nghề cá bằng việc nâng công suất tàu đánh bắt xa bờ là chủ yếu, có chính sách hỗ trợ chuyển nghề cho ngư dân thiếu khả năng duy trì nghề cá đánh bắt xa bờ.

Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai.
- Hướng dẫn nhân dân chủ động chằng chống nhà cửa khi có gió bão và sẵn sàng sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn khi có thông báo của chính quyền.
- Phát huy tinh thần đoàn kết cộng đồng tương thân tương ái, giúp nhau trong phòng ngừa ứng phó thiên tai hạn chế mức thấp nhất về rủi ro thiên tai, thảm họa.
- Đóng góp nguồn lực vật chất cùng với chính quyền triển khai các biện pháp Giảm thiểu rủi ro ngay tại cộng đồng giải quyết những bức xúc và cấp thiết tại các khu dân cư.

5.2. Kết luận 2: Người dân tại xã Nghĩa Hải sinh sống nghề chính nghề trồng lúa chịu nhiều rủi ro do tác động của thời tiết cực đoan (bão, ngập úng, mưa nắng bất thường, xâm nhập mặn, dịch bệnh). Cách ứng phó của người dân là những giải pháp rất đơn giản và cũng chưa có những giải pháp bền vững. Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu còn hạn chế.

Khuyến nghị 2

Đối với chính quyền địa phương:

- Tổ chức nhiều hơn các lớp tập huấn kiến thức về khoa học kỹ thuật trồng lúa, sớm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm 2 cánh đồng lúa mẫu lớn để áp dụng trên diện rộng. Theo dõi sát dự báo thời tiết khí hậu, xây dựng lịch mùa vụ, kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.
- Khảo sát để xác định cụ thể diện tích trồng lúa giảm năng suất do nhiễm mặn (theo thông tin từ xã và cộng đồng vụ chiêm nhiễm mặn 250 ha, trong đó 70 ha ngoài đê bồi, 180 ha trong đê) đề nghị Chính quyền cấp trên cho phép chuyển đổi

sang nuôi trồng thủy hải sản hoặc trồng màu. Để việc chuyển đổi từ trồng lúa sang nuôi trồng thủy hải sản hoặc cây trồng khác có hiệu quả nên xây dựng mô hình thí điểm để rút kinh nghiệm hướng dẫn cho người dân chuyển đổi sinh kế phù hợp, hiệu quả.

- Có kế hoạch kiên cố kênh mương, đồng thời chỉ đạo nạo vét kênh nội đồng thường xuyên đảm bảo cấp thoát nước cho sản xuất nông nghiệp; khảo sát thiết kế dự toán và lập kế hoạch tìm nguồn kinh phí lắp đặt các trạm bơm chống úng, chủ động phục vụ sản xuất theo lịch mùa vụ, giảm thiểu thiệt hại mùa màng do ngập úng kéo dài.

- Chỉ đạo các ngành chức năng thường xuyên kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột có hiệu quả (hiện tại người dân cho rằng thuốc phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột bị kháng thuốc và thuốc không đảm bảo chất lượng). Cần có biện pháp xử phạt các hành vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không có nhãn mác in trên bao bì, chai lọ.

- Có chủ trương khuyến khích nuôi mè bắt chuột, thu mua ốc bươu vàng, thu mua đuôi chuột, phát động và duy trì thường xuyên phong trào toàn dân diệt chuột, thu gom ốc bươu vàng.

Đối với cộng đồng:

- Phổ biến và trao đổi những kinh nghiệm, nhân rộng mô hình trồng lúa ở cánh đồng mẫu lớn cho nhân dân áp dụng trồng lúa có hiệu quả; chia sẻ kinh nghiệm diệt chuột, thu gom ốc bươu vàng có hiệu quả, bảo vệ kênh mương thủy lợi, không lấn chiếm, vứt rác thải, vật thải làm tắc nghẽn dòng chảy gây ngập ruộng đồng.

- Hướng dẫn nhân dân thực hiện lịch mùa vụ, chuyển đổi giống cây trồng theo khuyến cáo của chính quyền địa phương.

5.3. Kết luận 3: Nhân dân lo lắng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh.

Khuyến nghị 3

Đối với chính quyền địa phương:

- Có biện pháp xử lý rác đã thu gom tại bãi hợp vệ sinh, tăng tần suất thu gom rác thải, hiện tại mới thu gom rác 2 lần /tuần nên tình trạng rác thải tồn đọng khu dân cư, đường dong xóm, nhất là rác thải dẹt lể, tét tăng lên rất nhiều gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Hỗ trợ (kinh phí, cho vay vốn lãi suất thấp) hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện làm nhà tiêu hợp vệ sinh; tìm kiếm nguồn kinh phí thông qua các Hội, đoàn thể, nhà tài trợ để hỗ trợ làm hầm biogas xử lý phân vật nuôi hợp vệ sinh,

có khí đốt dùng trong hộ dân, tiết kiệm chi phí chất đốt, cùng với việc hướng dẫn người dân làm hồ ga xử lý nước thải hợp vệ sinh làm sạch môi trường, phòng ngừa bệnh dịch xảy ra từ ô nhiễm môi trường. Về lâu dài nên có quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải công cộng, xây dựng các mô hình xử lý nước thải, chất thải chăn nuôi hợp vệ sinh. Trước mắt cần quy hoạch khu chế biến hải sản, trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, giảm phát thải mùi hôi khó chịu, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Có kế hoạch tuyên truyền tiết kiệm nước ngay từ bây giờ như dự trữ nước mưa, khai thác mạch nước ngầm hợp lý, khuyến khích mô hình xây bể lọc (hiện tại người dân có bể lọc nước còn ít) xử lý nước sạch hợp vệ sinh, có kế hoạch ứng phó chống chịu và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu làm cạn kiệt nguồn nước để người dân biết khoan giếng sâu hơn và dùng máy công suất lớn hơn để bơm lấy được nước từ giếng lên phục vụ cho sinh hoạt đời sống. Đồng thời sớm có kế hoạch xây dựng đề án cung cấp nước sạch tập trung cho người dân trong tương lai gần.

Đối với cộng đồng:

- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải, nước thải, phân chăn nuôi gia súc gia cầm hợp vệ sinh phòng chống các bệnh dịch xảy ra ở người lây lan từ đường nước, vệ sinh môi trường ô nhiễm.

5.4. Kết luận 4: Nuôi trồng thủy hải sản là nghề đầu tư lớn nhưng cũng chịu nhiều rủi ro thiên tai.

Khuyến nghị 4

Đối với chính quyền địa phương:

- Đề nghị Nhà nước cho vay vốn ưu đãi đối với hộ nuôi trồng thủy hải sản đắp bờ ao, đê chắn cao và kiên cố chống chịu được mưa bão, bảo vệ tôm, cua, cá trong ao, đầm nuôi an toàn trước thiên tai.

- Tổ chức tuyên truyền tập huấn cho người dân có kiến thức khoa học kỹ thuật về nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức nhiều hơn các hình thức hội thảo, hội nghị, cung cấp tài liệu giới thiệu kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nuôi trồng thủy hải sản có hiệu quả.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương liên kết vốn, kỹ thuật sản xuất con giống tại địa phương, giới thiệu các nhà cung cấp con giống chất lượng tốt ở ngoài địa phương cho người dân có nhiều cơ hội lựa chọn giống đạt chuẩn để nuôi trồng phòng tránh dịch bệnh; Tạo điều kiện cung cấp con

giống đảm bảo chất lượng, có khả năng miễn dịch cao; khuyến khích dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi trồng thủy hải sản và tiêu thụ sản phẩm đầu ra thuận lợi.

- Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn cho các hộ nuôi trồng thủy hải sản về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, cung cấp thông tin, cảnh báo sớm và hướng dẫn các biện pháp an toàn ao, đầm, chỗ ở tạm của người dân trông coi ao, đầm an toàn trước thiên tai.

Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho hộ nuôi trồng thủy hải sản bằng nhiều cách, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ ao, đầm an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và kế hoạch năm 2014 số 07/BC-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2013 xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.
- Báo cáo phòng chống lụt bão xã Nghĩa Hải năm 2013.
- Báo cáo y tế xã năm 2013.
- Sổ tay dành cho hướng dẫn viên đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam GPXB số 77/GP-CXB ngày 29/8.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ VCA

Thành viên Nhóm đánh giá VCA

- Nhóm đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức danh
01	Bà Hoàng thị Huyền	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	<i>Trưởng nhóm</i>
02	Bà Trần Thị Mai	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
03	Ông Ngô Ngọc Gang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
04	Ông Trần Quốc Đại	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
05	Ông Nguyễn Văn Hậu	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
06	Bà Cao thị Giang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:

+ Ông Trần Đình Ký, Tập huấn viên VCA cấp quốc gia Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

- Nhóm hỗ trợ hậu cần:

+ Bà Vũ Thị Kim: Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

PHU LUC 2. BẢNG PHÂN TÍCH SWOT

Xã Nghĩa Hải

SINH KẾ	
ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<p><i>Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề, lao động cơ bản có việc làm tăng thu nhập, ổn định đời sống nhân dân và tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của xã.</i></p> <p>+ Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm đảm bảo an ninh lương thực, có dự trữ và cung cấp lương thực cho thị trường ngoài địa phương (bình quân năng suất vụ chiêm đạt 70 tạ/ha, năng suất vụ mùa đạt 43 tạ/ha. Năng suất cả năm bình quân đạt 112 tạ/ha). Diện tích trồng lúa năng suất cao của vụ chiêm là 80%. Thu nhập bình quân đầu người 1 triệu đồng/sào/năm. Lực lượng lao động chính (cả nam và nữ) chiếm 60% dân số, có kinh nghiệm và áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật trồng lúa. Xã chủ động xây dựng 2 mô hình cánh đồng mẫu lớn gắn với chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ phân đầu đạt năng suất đạt 125 tạ/ha. Hệ thống thủy lợi kênh mương cấp 1, 2, 3 dài 120 km đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất và dựa vào thủy triều. Phương tiện sản xuất ngày một được cơ giới hóa (máy gặt 3 chiếc, máy cày lớn 19 chiếc, máy tuốt lúa 32 chiếc). Nhờ có 3 Hợp tác xã nông nghiệp của xã cung cấp đủ các khâu phục vụ thiết yếu: cấp phân bón, thuốc trừ sâu, giống lúa tại chỗ cho nhân dân. Hàng năm xã cố gắng tổ chức một số lớp tập huấn về áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất lúa cho người dân.</p> <p>+ Nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản của xã được duy trì và phát triển, đặc biệt là nuôi tôm, cua, cá, vạng ngoài đầm, bãi chiếm 20% hộ dân, có 6 cơ sở chế biến hải sản trên địa bàn. Các ngành nghề trên tạo thu nhập cao (nghề nuôi trồng thủy hải sản thu nhập bình quân 10 triệu đồng/hộ/tháng; nghề đánh bắt và chế biến hải sản thu nhập bình quân 3 triệu đồng/người/tháng).</p> <p>cho người dân. Nhân dân chủ động đầu tư, vay vốn</p>	<p><i>Các ngành nghề sinh kế của xã còn nhiều khó khăn về vốn, kiến thức khoa học kỹ thuật, chưa bền vững.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất nông nghiệp chủ yếu cung cấp lương thực, năng suất lúa thấp (vụ chiêm chiếm 20%; phần lớn diện tích trồng lúa vụ mùa năng suất thấp), làm ăn chưa có lãi. Hệ thống tưới tiêu xuống cấp, thường bị tắc nghẽn dòng chảy do rác thải, bèo. Vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu chưa quan tâm kiểm định được chất lượng. Đường giao thông đi ra đồng ruộng nhỏ hẹp nên phương tiện cơ giới dịch vụ sản xuất tại đồng rộng khó khăn. Lực lượng lao động chính, nhất là nam đi làm ăn xa nhiều nên lao động nữ tham gia lao động nông nghiệp nhiều hơn gặp rủi ro về sức khỏe khi phun thuốc trừ sâu, nắng nóng (say thuốc, say nắng). - Đánh bắt hải sản: do thiếu vốn nên Phương tiện đánh bắt thô sơ, lạc hậu (tàu thuyền công suất nhỏ chiếm số lượng lớn). Đánh bắt gần bờ dùng lưới mú cùng với sung điện đã làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản tôm, cá. Việc tránh trú bão thiếu chủ động do chưa có âu thuyền, trang bị thiết bị trên tàu chưa an toàn. - Chế biến hải sản chưa được quy hoạch tập trung (cơ sở chế biến xen kẽ dân cư gây ô nhiễm môi trường, qui mô chế biến nhỏ không đủ để cung cấp ra thị trường. - Nuôi trồng thủy hải sản thiếu bền

<p>đóng tàu thuyền, mua sắm ngư lưới cụ đánh bắt, góp phần khai thác kinh tế biển có hiệu quả. Sản phẩm thu được cung cấp cho việc chế biến hải sản địa phương, giải quyết công ăn việc làm, tạo thu nhập cải thiện đời sống. Các hộ nuôi trồng và chế biến thủy hải sản có kinh nghiệm và được tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật. Việc vay vốn, huy động vốn đầu tư, dịch vụ giống và cung ứng vật tư, thức ăn nuôi trồng trên địa bàn thuận lợi. Các hộ đánh bắt hải sản được Nhà Nước hỗ trợ dầu.</p> <p>+ Chăn nuôi gia súc gia cầm chiếm 60% số hộ, có những thuận lợi: cán bộ thú y của xã có chuyên môn; có 5 cơ sở dịch vụ cung cấp thức ăn, con giống và thuốc chữa bệnh cho vật nuôi trên địa bàn; người dân tự chế biến thêm thức ăn và tận thức ăn thừa để chăn nuôi lợn, gia cầm; đượ trừ được rom rạ làm thức ăn cho trâu bò trong mùa thiên tai. Thu nhập bình quân mỗi hộ từ 500.00- 1.000.000 đ/ hộ/ năm góp phần tăng thu nhập cải thiện đời sống.</p> <p>+ Thương mại dịch vụ chiếm 10% số hộ trong xã, thu nhập khoảng 4 - 5 triệu đồng/tháng.</p> <p>+Làm thuê: 40% người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa, thu nhập bình quân từ 2,5 - 3 triệu đồng/ người/ tháng.</p>	<p>vững do vốn ít, ao đầm nhỏ, thấp, chưa kiên cố dễ vỡ bờ ao đầm do khi có thiên tai. Con giống cho nuôi trồng chưa chủ động, chưa có nhiều cơ hội lựa chọn giống chất lượng do tại địa phương chưa có cơ sở sản xuất cung cấp con giống nên giống thường mua xa (Miền nam). Tập huấn hướng dẫn nuôi trồng và áp dụng khoa học kỹ thuật còn ít, chưa có kỹ sư chuyên ngành nuôi trồng. Dịch bệnh ở tôm, cua, cá thường xảy ra. Kinh nghiệm chăm sóc nuôi trồng còn ít và còn thiếu thực tiễn.</p> <p>- Chăn nuôi còn nhỏ gia súc gia cầm nhỏ lẻ gắn với hộ gia đình, chưa có trang trại lớn (mới có 2 gia trại). Mạng lưới thú y mỏng, cán bộ thú y trình độ chuyên môn còn hạn chế nên việc hướng dẫn người dân áp dụng khoa học kỹ thuật và phòng chữa bệnh cho vật nuôi chưa được quan tâm đầy đủ, chủ yếu chăn nuôi tự phát, phòng chống dịch kém, ô nhiễm môi trường do chăn nuôi xảy ra diện rộng (gia trại, chuồng trại còn đơn sơ, chưa có hệ thống xử lý chất thải , nước thải trong chăn nuôi, số hộ xây hầm bi ô ga còn ít, chăn nuôi xen kẽ khu dân cư không đảm bảo vệ sinh cho vật nuôi và môi trường).</p>
<p style="text-align: center;">CƠ HỘI</p> <p>- Được sự quan tâm của Nhà Nước tạo điều kiện cho vay vốn sản xuất với lãi suất thấp. Đầu tư phát triển sản xuất. Chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp (hai lúa) 1 triệu đồng/ 1 ha.</p>	<p style="text-align: center;">THÁCH THỨC</p> <p>- Do dịch bệnh (sâu bệnh ở cây trồng và bệnh dịch ở vật nuôi). Thiên tai, biến đổi khí hậu nhiễm mặn, ảnh hưởng bão lụt gây ngập úng. Giá vật tư cao, giá nông sản thấp.</p>

ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN

ĐIỂM MẠNH

Cơ sở hạ tầng, điện, đường, trường, trạm, trụ sở làm việc, nhà văn hóa 5/16 xóm được đầu tư xây dựng đáp ứng đời sống cơ bản của người dân.

- **Giáo dục:** gồm 4 trường, trong đó 3 trường đều đạt chuẩn quốc gia. Trường Trung học cơ sở có: 44 giáo viên và 751 học sinh. 2 Trường Tiểu học có 54 giáo viên và 956 học sinh. Trường Mầm non gồm 2 khu với 49 giáo viên và 661 học sinh. Nhà trường có máy lọc nước cho học sinh uống. Một số khu trường học cao tầng có thể làm điểm sơ tán dân khi thiên tai xảy ra.

- **Y tế:** Trạm y tế đạt chuẩn giai đoạn 1 năm 2003, có đủ biên chế Y, Bác sĩ và nhân viên y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh địa phương (Phụ nữ sinh đẻ tại trạm y tế xã là 70%), 16/16 xóm đều có y tế. Công tác y tế hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu chương trình mục tiêu quốc gia. Phòng chống hiệu quả một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm. Thường xuyên tuyên truyền và kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

- **Nước sạch và vệ sinh môi trường có nhiều cố gắng tích cực.** Toàn xã có 80% hộ dân có nhà hố xí hợp vệ sinh. Xã tổ chức xe vào các xóm thu gom rác thải tại địa phương với tần suất 2 lần/tuần. Tỷ lệ dùng nước sạch từ giếng khoan chiếm 90%.

- **Cơ sở hạ tầng** có 25% nhà kiên cố (ở rải rác các xóm, có thể giúp người dân trú ẩn khi có thiên tai) và hơn 70% bán kiên cố. Có mạng lưới điện khép kín khu dân cư trên địa bàn xã và 100% hộ sử dụng điện trả tiền theo giá Nhà nước qui định. Hệ thống loa truyền thanh đã phủ kín các hộ dân dân cư. Có 7,5 km đường trục chính đã được rải nhựa, 25 km đường làng và 60 km đường dong thôn xóm đã được bê tông hóa phục vụ cùng với một số đoạn đê đã và đang kiên cố hóa.

- Xã có 2 chợ và 1 do người dân tự nhóm đảm bảo cho trao đổi buôn bán hàng hòa trong địa phương.

- Các cơ sở thờ tự Tôn giáo (nhà thờ, nhà chùa) được

ĐIỂM YẾU

Thực trạng cơ sở hạ tầng của xã phục vụ đời sống cơ bản của người dân vẫn còn thiếu và chưa tốt.

- Cơ sở vật chất Giáo dục còn yếu và thiếu: Trường Trung học cơ sở chưa đạt chuẩn quốc gia, bị xuống cấp. Trường Mầm non, trường Tiểu học còn thiếu phòng học và phòng chức năng. Tình trạng học sinh bỏ học do kinh tế gặp nhiều khó khăn đang xảy ra.

- **Y tế còn những khó khăn:** Trạm y tế không nằm ở trục giao thông chính nên việc đi lại gặp khó khăn. Phương tiện cấp cứu thiếu, chưa đáp ứng kịp thời đối với bệnh nhân nặng. Người tham gia y tế tự nguyện thấp, trẻ em suy dinh dưỡng còn cao (5% dân số tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, 18% trẻ suy dinh dưỡng). Tỷ lệ sinh con thứ ba cao (khoảng 30%). Số người dân mắc bệnh ung thư ngày càng tăng.

- **Nước sạch và vệ sinh môi trường còn những hạn chế ảnh hưởng sức khỏe người dân:** 20% hộ dân có hố xí chưa hợp vệ sinh, còn đổ rác thải ra đường, bờ đê, ruộng do tần suất thu gom rác thải thấp, nhất là dịp lễ tết (mỗi tuần chỉ có 2 lần thu gom rác thải). Bãi chứa rác thải chưa được xử lý gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Chất lượng nước giếng khoan chưa đảm bảo nhưng tỷ lệ người dân có bể lọc còn thấp, hiện tượng cạn kiệt nguồn nước ngày càng rõ (phải khoan giếng sâu và dùng máy hút công suất lớn). Ý thức vệ sinh môi trường của người dân còn hạn chế.

- **Cơ sở hạ tầng chưa tốt:** Còn 75% nhà

<p>xây dựng, trùng tu kiên cố đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần, tại các cơ sở này cũng có thể làm điểm sơ tán dân khi có thiên tai lớn xảy ra.</p>	<p>không kiên cố trong đó 5% nhà không an toàn khi có thiên tai xảy ra. Hệ thống loa truyền thanh xuống cấp (do sử dụng đã lâu). Đường giao thông xã, làng, dong xóm, xuống cấp, nhỏ hẹp đi lại khó khăn, nhất là trong mùa mưa bão. Thực trạng còn hơn 1.200 m đê đất, một số đoạn đường đất do đó người dân và học sinh đi lại trong mùa mưa lụt không an toàn.</p>
<p style="text-align: center;">CƠ HỘI</p> <p>Xã đang có dự án nâng cấp 1200 m đê bồi Ngọc Lâm.</p>	<p style="text-align: center;">THÁCH THỨC</p> <p>Tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, địa hình trũng thấp.</p>
<p>TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ XÃ HỘI</p>	
<p style="text-align: center;">ĐIỂM MẠNH</p> <p>Người dân và cộng đồng được đề cao ý thức bảo vệ tính mạng và tài sản khi có thiên tai: Là 1 xã ven biển nhân dân thường xuyên tiếp cận với điều kiện sông nước và đánh bắt thủy hải sản nên có nhiều kinh nghiệm ứng phó với thiên tai. Người dân có ý thức tự giác, chủ động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tỷ lệ người biết bơi khoảng 30%. Đảng ủy, Ủy ban xã, các ban ngành đoàn thể thường xuyên quan tâm đến công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (thành lập đội ứng phó từ xã đến các xóm với 370 thành viên tham gia. Mỗi đội có từ 20 người trở lên). Hàng năm PCLB xã có kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể và triển khai đến thôn, xóm, khu dân cư, theo phương châm 4 tại chỗ. Ban thông tin văn hóa xã thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã về cách phòng chống lụt bão trên 32 cụm loa. Ban chỉ huy phòng chống bão lụt của xã chia làm 3 điểm thường trực, tập trung gần nơi xung yếu nhất (khu vực nhà văn hóa đội 7, HTX Nam Hải phụ trách lực lượng xung kích, hội trường HTX Nam Hải phụ trách lực lượng ứng cứu, hội trường hợp tác xã Ngọc Lâm canh gác đê) sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có thiên tai xảy ra. Xã có 5 địa điểm sơ tán dân (hợp tác xã Nam Hải, Ngọc Lâm, trường Trung học và 2 trường Tiểu học) được lực lượng công an xã và các</p>	<p style="text-align: center;">ĐIỂM YẾU</p> <p>Điều kiện tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng vẫn còn yếu kém:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân chưa được tập huấn kiến thức về phòng chống thiên tai. Hệ thống truyền thanh xuống cấp. Xã chưa có điểm tập bơi cho người dân và học sinh. Các trang thiết bị nghe nhìn trên tàu đánh cá còn thiếu và thô sơ. Chưa có đủ phao cứu sinh cho ngư dân đi biển. - Đường giao thông của địa phương hẹp, xuống cấp, ý thức một số người dân khi tham gia giao thông kém nên còn xảy ra tai nạn giao thông thiệt hại đến tính mạng sức khỏe con người. Hơn 200 hộ dân nhà ở ven đê, ven sông và 300 hộ nuôi trồng thủy hải sản ở nhà tạm trông coi ao đầm nguy cơ cao về tính mạng khi có thiên tai nhưng chưa có kiến thức phòng ngừa và ứng phó thiên tai an toàn. - Trên 250 tàu thuyền chưa có âu thuyền tránh trú bão an toàn.

<p>ban ngành đoàn thể hướng dẫn di dời bằng phương tiện xe ô tô và các phương tiện tự có của nhân dân. Lực lượng an ninh đảm bảo an toàn về con người và tài sản của nhân dân khi có thiên tai. Hàng năm Ủy ban nhân dân xã tổng kết rút kinh nghiệm và triển khai kế hoạch cho năm sau. Lực lượng công an thường xuyên tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn giao thông, xử lý nghiêm các vi phạm khi tham gia giao thông. Hệ thống chiếu sáng trên các trục đường chiếm 70 %.</p>	
<p style="text-align: center;">CƠ HỘI</p> <p>Có dự án kiên cố đê quốc gia và đê bồi, (tuyến đê sông Đáy từ Nghĩa Hùng đến giáp thị trấn Rạng Đông)</p>	<p style="text-align: center;">THÁCH THỨC</p> <p>Do biến đổi khí hậu làm nước biển dâng, cường độ bão mạnh mỗi năm một tăng. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của dòng chảy sông Đáy mạnh, làm sới mòn và sạt lở đê đoạn từ cống Tòa Nghĩa Hải đến thị trấn Rạng Đông.</p>
TỔ CHỨC XÃ HỘI /CHÍNH QUYỀN	
<p style="text-align: center;">ĐIỂM MẠNH</p> <p>Có 24 chức danh hưởng lương đã đủ theo biên chế. Trong đó trình độ Đại học 3; còn lại 21 chức danh trình độ Trung cấp. Xã Có trụ sở làm việc và trang thiết bị làm việc tạm đủ. Hàng năm xã xây dựng kế hoạch phòng chống bão lụt hàng năm theo phương châm 4 tại chỗ, xây dựng quỹ an sinh xã hội. Các tổ chức Đoàn thể có chương trình giúp nhau xóa đói giảm nghèo: vay vốn trong Phụ nữ, nông dân; giúp vốn phát triển kinh tế gia đình trong Hội Cựu chiến binh, tạo điều kiện cải thiện đời sống, có dự tích lũy, mua sắm phương tiện đi lại tốt hơn, làm nhà ở an toàn hơn, góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai, thảm họa. Xã hỗ trợ làm đường bê tông thôn xóm từ 15 - 30 % kinh phí, tạo điều kiện đi lại an toàn, giảm thiểu rủi ro.</p>	<p style="text-align: center;">ĐIỂM YẾU</p> <p>Tỷ lệ cán bộ đạt trình độ Đại học thấp khoảng 12,5 % .Trình độ công nghệ thông tin thấp , trang thiết bị thiếu. Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu xây dựng nông thôn mới. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của địa phương còn thiếu phương tiện phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn. Xã còn 11/16 xóm chưa có nhà văn hóa để nhân dân sinh hoạt. Cán bộ không chuyên trách phụ cấp quá thấp (0,65% lương tối thiểu nên hiệu quả công tác không cao) dẫn đến cán bộ thiếu tâm huyết công việc.</p>
<p style="text-align: center;">CƠ HỘI</p> <p>Có chủ trương xây dựng nông thôn mới. Đồng thời được Nhà Nước hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp 1 triệu/ha, xã còn đang được tiếp nhận dự án rừng và</p>	<p style="text-align: center;">THÁCH THỨC</p> <p>Địa bàn xã rộng, dân số đông nên công tác điều hành, quản lý gặp khó khăn. Bên cạnh đó trình độ lao động thấp, tệ nạn phát sinh. Xã thiếu lực lượng (nam</p>

đồng bằng, các dự án khác.	giới) trong công tác ứng phó khi thiên tai xảy ra (những người đi làm ăn xa). Nghĩa Hải là một xã ven biển, công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn gặp nhiều khó khăn.
----------------------------	--

PHỤ LỤC 3. HỒ SƠ LỊCH SỬ CÔNG ĐỒNG

Xã: Nghĩa Hải

Năm	Sự kiện	Tác động	Cách ứng phó
Cụm 1 (Xóm 1, 2, 3 Phú Thọ)			
T9/1999	Bão Ngập lụt	Đổ và tốc mái một số nhà Ruộng lúa ngập lụt → thất thu Súc vật chết do dịch bệnh	Nghe thông tin trên đài, ti vi, loa truyền thanh Chằng chống nhà cửa
T9/2006	Bão to (số 6)	Đổ nhà, ngập lúa, ao đầm → mất mùa, tài sản. Dịch bệnh vật nuôi	Người dân đi sơ tán Vệ sinh chuồng trại
2006	Nhiễm mặn nặng	Lúa bị nhiễm mặn → mất trắng Dịch bệnh ở người (sốt rét, bệnh ngoài da)	Vãi vôi, vãi lân, thau chua rửa mặn
T2/2011	Rét đậm, rét hại	Mạ chết phải gieo cấy lại Vật nuôi chậm lớn	Gieo lúa ngắn ngày
T9/2012	Bão	Nhà của tốc mái; lúa rụng hạt; vật nuôi dịch bệnh, chết nhiều	Chằng chống nhà cửa
	Giông, Sét	Đổ cột điện; cháy tivi, tủ lạnh	Không có
Cụm 2 (Xóm 4, 5, 6 Phú Thọ)			
T8/1968	Bão to	3 người chết Vỡ đê bồi công Tòa làng Ngọc Lâm Thiệt hại 100% diện tích lúa	
T10/2004	Dịch bệnh vật nuôi, gia súc, gia cầm	100% vật nuôi bị tiêu hủy (5 gia trại ước tính khoảng 1500 con)	Khử trùng khu chăn nuôi kết hợp với tiêu hủy
T8/2006	Siêu bão	30% nhà ở của dân bị tốc mái. Trường học bị tốc mái 90% diện tích lúa bị chết; 70% diện tích hoa màu bị ngập úng	Chằng chống nhà cửa; tổ chức ứng phó Cấy lại diện tích lúa đã chết
T10/2009	Mưa đá, mưa trái mùa	Thiệt hại lúa 100% phải cấy lại	Gieo mạ cấy lại lúa
T6/2012	Nắng nóng kéo dài	Cháy 1 sào lúa và 70 % diện tích hoa màu	Tưới nước hoa màu
Cụm 3 (Xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 Nam Hải)			

T8/1962	Bão C	60% hộ dân bị đổ nhà, 100% nhà bị tốc mái Chết 3 người; Mất mùa 80% Đắm tàu thuyền.	Chặng chống nhà cửa
T9/1968	Bão, Ngập lụt	Chết người; Đổ nhà tốc mái; thiệt hại hoa màu	Chặng chống nhà cửa
T8/1996	Bão, Ngập lụt	Vỡ đê bồi, nước tràn đê ngập đồng ruộng, thiệt hại 100% mùa màng, 80 diện tích đầm bị vỡ	Chặng chống nhà cửa
T8/ 2005	Bão; Nhiễm mặn	Vỡ đê quốc gia (200m), thiệt hại lúa, hoa màu (80- 90%); ngập đầm, ao nuôi cá (80%)	Nhà nước hỗ trợ Huy động toàn dân đóng góp vật tư (Bao, cọc tre, rom, rạ, bạt,...)
T10/2013	Bão	80% diện tích lúa và hoa màu bị mất; Phải cấy lại lúa Đắm thuyền	Trang bị phao, áo phao, bộ đàm
Cụm 4 (Xóm 7, 8 Nam Hải + 1, 2 Ngọc Lâm)			
1962	Bão C	Gây đổ nhà 70%; đắm tàu thuyền; Mất trắng lúa, hoa màu	Chính quyền không có ứng phó gì; hộ gia đình tự chặng chống nhà cửa.
1968	Bão lớn	Vỡ đê; Chết 4 người; Thiệt hại về lúa và hoa màu	Huy động sự đóng góp của người dân
1986	Lốc xoáy	30 nhà dân bị tốc mái; cuốn bay trạm biên phòng.	
T4/ 2004	Mưa lụt dài ngày	40% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu mất trắng.	Tự hộ dân phải khắc phục hậu quả
T7/2005	Bão lớn	Vỡ đê , nước mặn tràn vào gây nhiễm mặn ruộng lúa. Đổ 3 nhà, tốc mái nhiều nhà cấp 4.	Người dân đóng góp ngày công 10.000đ/người Tự khắc phục sửa chữa nhà cửa
T6/2010	Gió mùa	Diễn ra thường xuyên, năm sau to hơn năm trước gây chìm thuyền, chết người, mất tài sản của ngư dân đi biển.	Thường xuyên nghe thông tin dự báo thời tiết.
T10/2013	Bão	30% diện tích lúa bị thiệt hại; hoa màu mất trắng.	Toàn dân tập trung cứu vớt lúa do mưa ngập.
T4/2014	Nhiễm mặn	Khoảng 25 ha lúa bị nhiễm mặn.	Đi làm thuê, đan cước

PHỤ LỤC 4. LỊCH MÙA VỤ

Xã: Nghĩa Hải

Cum 1

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá,...)												
Đánh bắt thủy hải sản												
Làm ăn xa												
Kinh doanh												
Dịch vụ												
ATNĐ và Bảo												
Lụt												
Rét đậm												
Nắng nóng (Hạn hán)												
Sấm sét												
Lễ hội phật giáo												
Lê hội công giáo												

Cum 2:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng thủy sản												

(tôm, cá,...)												
Thương mại dịch vụ												
Bão												
Lụt												
Nhiễm mặn												
Rét đậm												
Sâu rầy												
Dịch bệnh chăn nuôi												
Dịch bệnh nuôi trồng thủy sản												
Lũ châu												
Lũ Phạt Đản												

Cum 3:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ngao...)												
Đan lưới												
Đan nón												
Kinh doanh - dịch vụ												
Làm ăn xa/làm thuê												
ATNĐ và Bão												
Lụt												
Hạn hán/ nắng nóng												
Rét đậm, rét hại												
Giông sét												

Phật Đản												
Nô en												

Cum 4:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản (tôm, cá, ngao...)												
Chế biến hải sản												
ATNĐ và Bão												
Lụt												
Nhiễm mặn												
Hạn hán/nắng nóng												
Dịch bệnh												
Rét đậm, rét hại												
Ô nhiễm môi trường												

Toàn xã:

Mùa vụ, sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ngao...)									ít			
Đánh bắt thủy hải sản												
Chế biến hải sản												

Làm ăn xa/làm thuê												
Đan lưới												
Đan nón												
Thương mại dịch vụ												
ATNĐ và Bảo												
Lượ												
Hạn hán/nắng nóng												
Nhiễm mặn												
Rét đậm, rét hại												
Giông sét												
Dịch bệnh cây trồng												
Dịch bệnh vật nuôi												
Ô nhiễm môi trường												
Lũ châu												
Lũ Phạt Đản												
Nô en												

PHU LỤC 5. BẢNG PHÂN TÍCH SINH KẾ

Xã: Nghĩa Hải

Loại hình Sinh kế	Ai làm	Số người làm trong xã	Thu nhập ngày/ tháng/ năm	Chính quyền xã có hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm, rủi ro trong sinh kế	Thiệt hại, mất mát, tổn thương đã xảy ra	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro, nguy hiểm	(Đề xuất) Các biện pháp thay thế khả thi
Cụm 1 (Xóm 1, 2, 3 Phú Thọ)								
Trồng lúa	Nam + nữ	75% số hộ	50.000đ/ tháng/sào	Hỗ trợ thiên tai 9.000đ/sào	- Bão, lụt - Rét đậm, - Chuột, sâu bệnh	- Mất mùa, giảm năng suất - Bệnh tật	- Che mưa chống rét - Diệt chuột. - Phun thuốc trừ sâu	
Chăn nuôi	Nam và nữ	80% số hộ	- Thu nhập bấp bênh, thua lỗ		- Dịch bệnh	- Lợn gà chôn lấp	- Tiêm thuốc - Phun thuốc khử trùng	
Nuôi trồng thủy hải sản	Nam	50% số hộ	120.000đ òng /hộ/ năm		- Bão lụt vỡ bờ ao. - Dịch bệnh	- Cá chết	- Đắp bờ cao, khử trùng vôi bột	
Làm ăn xa	Nam, nữ	10%	2,5-3 triệu / tháng	- Hỗ trợ hồ sơ lý lịch	- Tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tệ nạn xã hội	- Chết hơn 10 người, thương tật 20 người	- Bảo hộ an toàn	
Kinh doanh, dịch vụ	Nam, nữ	10%	2,5 triệu / tháng		- Ế ẩm hàng hóa, hết hạn, hỏng máy móc	- Lỗ vốn	- Tiêu hủy hàng hết hạn - Giảm giá thành	
Cụm 2 (Xóm 4, 5, 6 Phú Thọ)								
Trồng lúa	Nam, nữ	90% số hộ	1.250.000 đ/sào/năm		- Dịch bệnh - Ngập lụt	- Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu	- Hỗ trợ khi bị thiên tai
Chăn nuôi	Nam, nữ	80% số hộ	500.000đ / năm/ hộ	- Tổ chức tiêm phòng	- Dịch bệnh giá cả đầu vào cao	- Mất mát, thua lỗ, thiệt hại về kinh tế	- Tiêm phòng	- Hỗ trợ thức ăn giá thấp

Nuôi trồng thủy hải sản	Nam	10% số hộ	10-15 triệu /hộ	- Hỗ trợ vay vốn ngân hàng, phổ biến kỹ thuật nuôi trồng	- Do thay đổi thời tiết, hay bị bệnh ô nhiễm nguồn nước	- Giảm năng suất thua lỗ	- Thuốc khử trùng, thau rửa nước ô nhiễm	- Lựa chọn con giống cho phù hợp với môi trường
Thương mại dịch vụ	Nam, nữ	5%	10 triệu/tháng		- Giá cả mua chịu, chất lượng hàng giả	- Lỗ vốn	- Tiêu hủy hàng hết hạn - Giảm giá thành	
Đi làm ăn xa	Nam, nữ	50%	2,5-3 triệu đ/tháng	- Hỗ trợ về thủ tục giấy tờ	- Tai nạn giao thông, ốm đau bệnh tật, tệ nạn xã hội	- Thiệt hại tính mạng, kinh tế, bệnh tật, nghiện hút. HIV	- Tạo công ăn việc làm, nghề thêu may	- Thêu may thủ công
Cụm 3 (Xóm 2, 3, 4, 5, 6 Nam Hải)								
Trồng lúa	Nam, nữ	80%	60.000 đ/ sào/năm	9.000đ/ sào/năm(mất mùa)	- Sâu, bệnh, bão lụt - Chuột - Phun thuốc trừ sâu	- Mất mùa - Giảm năng suất - Ảnh hưởng sức khỏe con người	- Phun thuốc trừ sâu - Diệt chuột - Dùng khẩu trang	
Chăn nuôi	Nam, nữ	50%	Thua lỗ	- Không	- Dịch bệnh	- Vật nuôi chết giảm năng suất	- Tiêm phòng	
Đan lưới, đan nón	Nữ	10%	100.000đ /người/tháng		- Sản phẩm chưa đạt chất lượng	- Sản phẩm tiêu thụ kém	- Tìm nơi tiêu thụ sản phẩm	
Trồng hoa màu	Nữ, nam	20%	300.000đ / sào/vụ		- Mưa bão, sâu bệnh	- Giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu	
Kinh doanh	Nữ, nam	10%	3 triệu đ/ tháng		- Giá cả mua chịu, chất lượng hàng giả	- Lỗ vốn	- Tiêu hủy hàng hết hạn - Giảm giá thành	

Làm thuê (đi xây, thồ vữa)	Nam, nữ	60%	100.000đ / ngày		- Tai nạn lao động - Công việc bấp bênh	- Ảnh hưởng đến sức khỏe - Không có thu nhập	- Trang thiết bị an toàn khi đi làm	
Cụm 4 (Xóm 1, 2 Ngọc Lâm; xóm 7, 8 Nam Hải)								
Trồng lúa	Nam, nữ	90%	200kg /sào/năm	- Phổ biến kỹ thuật trồng trọt	- Thiên tai - Sâu bệnh - Nước mặn	- Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu - Bám sát thời tiết gieo cấy	Chuyển đổi từ ruộng sang nuôi trồng thủy hải sản (diện tích đồng cới)
Đánh bắt hải sản	Nam	30%	100.000đ / người/ ngày		- Thiên tai, bão gió	- Chết người, hư hỏng tàu thuyền, ngư lưới cụ	- Bám sát thời tiết để giảm thiểu thiệt hại	- Nhà nước cần hỗ trợ vay vốn sửa phương tiện to
Nuôi trồng thủy hải sản	Nam, nữ	10%	300.000đ / người/ ngày	- Tư vấn về kỹ thuật, nguồn con giống, bến bãi nuôi trồng	- Ô nhiễm nguồn nước - Thiên tai	- Thiệt hại sản lượng	- Bám sát ngành thú y - Thường xuyên thay nước, vệ sinh ao đầm	- Nhà nước cần cho vay vốn đầu tư và hỗ trợ con giống
Chế biến thủy, hải sản	Nam, nữ	50 hộ	100.000đ / người/ngày	- Kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm	- Thiên tai - Giá cả thị trường	- Bảo ngập bể chứa, giảm thu nhập	- Đảm bảo uy tín chất lượng	- Cần hỗ trợ vốn đầu tư

Chăn nuôi gia súc gia cầm	Nam, nữ	100%	30.000-50.000đ/người/tháng	- Phòng dịch gia súc, gia cầm	- Dịch bệnh	Thất thu	- Tiêm phòng dịch bệnh	- Xin đầu tư chăn nuôi tập trung
Đi làm ăn xa	Nam, nữ	10%	3.000.000/người/tháng	- Hỗ trợ thủ tục	- Tai nạn lao động	- Thiệt hại tính mạng, không trả lương	- Tham gia bảo hiểm xã hội	- Cần tạo công ăn việc làm tại địa phương
Dịch vụ thương mại	Nam, nữ	15%	3.000.000 đ đến 4.000.000đ/hộ/tháng	- Hàng bán ế động, hết hạn sử dụng - Hàng giả, kém chất lượng - Chạy nợ	- Tồn thất về kinh tế	- Kiểm tra chất lượng, thường xuyên kiểm soát giá cả		- Cần hỗ trợ vốn đầu tư

PHU LUC 6. BẢNG PHÂN TÍCH HIỂM HỌA TỰ NHIÊN, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Xã: Nghĩa Hải

Hiểm họa, hiện tượng thời tiết cực đoan	Tần suất	Mức độ tác động	Khi nào thường xảy ra	Diễn ra trong bao lâu	Dấu hiệu cảnh báo	Khu vực bị ảnh hưởng
Cụm 1 (xóm 1, 2, 3 Phú Thọ)						
Bão	Cao (3 - 4 cơn/năm)	Nghiêm trọng (thiệt hại nhà cửa, lúa, hoa màu, vật nuôi)	Tháng 7-10	7 đến 8 tiếng	Đài, ti vi, truyền thanh, gió từng cơn,	Toàn xã
Nhiễm mặn	Trung bình	Ít nghiêm trọng (Giảm năng suất, cây trồng vật nuôi)	Tháng 2-3	2 tháng	Lúa chết héo, cá ở sông ngòi nổi lên	Xóm 6,7,8
Ngập,lụt	Trung bình	Vừa (mát mùa trồng trọt, vật nuôi nhiễm bệnh)	Tháng 7-8	1tuần	Mưa nhiều, liên tục, Còn gằm to	Toàn xã
Rét đậm rét hại	Cao	Ít Nghiêm trọng (Ảnh hưởng sức khỏe con người, chết lúa, cây trồng, vật nuôi)	Tháng 12- T1,2	5-7 ngày	Loa đài, ti vi Gió bắc	Toàn xã
Cụm 2 (Xóm 4, 5, 6 Phú Thọ)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng (thiệt hại nhà cửa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản)	Tháng 6-9	5-10 giờ	Nắng oi bức, Thấy bùn ở dưới lòng ao nóng, ẩm	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Ít nghiêm trọng (chết lúa, thiệt hại hoa màu)	Tháng 4-6	3-4 tháng		Xóm 6,7,8
Lụt	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7 - 10	7-10 ngày		Xóm 1,2 Ngọc Lâm và 4,5 Phú Thọ
Mưa đá	Thấp	Ít nghiêm trọng	Tháng 6	2-3 tiếng		Toàn xã

Mưa trái mùa	Trung bình	Ít nghiêm trọng (gần đây mới xuất hiện)	Tháng 11	3 tiếng	Giông tố	Toàn xã
Giông sét	Trung bình	Vừa	Tháng 4-5		Sấm chớp	Toàn xã
Gió mùa	Trung bình	Vừa	Tháng 10-11	7 ngày	Mây giông	Toàn xã
Cụm 3 (Xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phú Thọ)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-10	1,5-3 ngày	Ti vi, đài báo TƯ và địa phương; kinh nghiệm dân gian. Thấy bùn ở dưới lòng ao nóng, ẩm	Toàn xã Đặc biệt xóm 5,6,7,8 Nam Hải
Lụt	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-10	7-10 ngày	Mưa nhiều ngày liên tục	Xóm 5,6,7 Nam Hải
Nhiễm mặn	Cao	Ít nghiêm trọng (chết lúa, thiệt hại hoa màu)	Tháng 4-6	3-4 tháng		Xóm 6,7,8 Nam Hải
Giông sét	Trung bình	Ít nghiêm trọng (hư hỏng thiết bị điện)	Tháng 5-8	10- 30 phút		Toàn xã
Dịch bệnh	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 4-5	1,5 tháng	Nắng, mưa nhiều, độ ẩm cao.	Toàn xã
Cụm 4 (Xóm 7, 8 Nam Hải; Xóm 1, 2 Ngọc Lâm)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-10	7-10 giờ	Gió mưa trời tối đen	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Ít nghiêm trọng (chết lúa, thiệt hại hoa màu, độ mặn 4-5/1000)	Tháng 3-5	3 tháng		Xóm 7,8 Nam Hải; 1,2 Ngọc Lâm
Rét đậm	Thấp	Ít nghiêm trọng (chết lúa)	Tháng 11-2 năm sau	7-10 ngày/đợt	Váng nước đen	Toàn xã
Nắng nóng (nhiệt độ cao hơn so với 20 năm	Cao	Vừa	Tháng 5- 9	5-7 ngày/đợt	Hạnh khô	Toàn xã

trước đây)						
Lốc xoáy	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	30-60 phút	Con giông	Xóm 7, 8 Nam Hải
Ngập - Lụt	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-12	10-15 ngày	Mưa to liên tục nhiều ngày	Xóm 1, 2 Ngọc Lâm; xóm 4, 5 Phú Thọ

PHU LUC 7. BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO, TTDBTT, KHẢ NĂNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ

Xã: Nghĩa Hải

Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp ứng phó
<i>Hợp phần sinh kế</i>			
Mất mùa, thiệt hại sản xuất nông nghiệp	<p>100% (hơn 900 ha) diện tích sản xuất vụ mùa vùng sâu trồng dễ ngập úng (năm mưa lụt sớm mất giống; năm mưa lụt muộn gây hại lúa trổ đòng, lúa sắp gặt), nhất là 15ha ngập úng xóm 1 đến xóm 8 Nam Hải)</p> <p>- Vụ chiêm xuân diện tích bị nhiễm mặn là 250ha. (70 ha ngoài đê bổi, 180 ha trong đê).</p> <p>- Sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng phá hoại ở diện rộng nhưng biện pháp diệt chuột và diệt ốc bươu vàng chưa có hiệu quả; thuốc bảo vệ thực vật kém hiệu quả (sâu bọ, rầy nâu không chết).</p> <p>- Kênh mương bị ách tắc, ý thức bảo vệ kênh mương của người dân hạn chế (lấn dòng chảy trồng cây, sản xuất, vứt rác thải....làm hẹp dòng chảy).</p> <p>- Chưa có trạm bơm chống úng.</p>	<p>- Gieo cấy lại khi lúa chết, mất giống.</p> <p>-Thu gặt sớm lúa nặng hạt sắp chín (xanh trong nhà hơn già ngoài đồng)</p> <p>-Thau chua rửa mặn làm giảm nhiễm mặn trước khi cấy mạ lúa xuống ruộng.</p>	<p>- Thường xuyên thau rửa diện tích bị nhiễm mặn.</p> <p>- Đang xây dựng cánh đồng lúa mẫu lớn (Cánh đồng Đồng Biên 30 ha, cánh đồng Tiên Đồng 10 ha) đã có kết quả vụ chiêm năm 2014, cần tổng kết rút kinh nghiệm nhân rộng.</p> <p>- Đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi, thường xuyên nạo vét khơi thông kênh mương thông dòng chảy.</p> <p>- Cần có kế hoạch chuyển đổi diện tích nhiễm mặn sang nuôi trồng thủy sản hoặc cây trồng khác.</p> <p>- Đưa giống lúa kháng bệnh cao vào trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc thực vật và kinh nghiệm dân gian (thường xuyên kiểm tra chất lượng thuốc diệt chuột, sâu bọ, rầy nâu)</p> <p>- Cần xây dựng và lắp đặt các trạm bơm nước chống úng.</p>
Thiệt hại về nuôi trồng thủy hải sản	<p>- Nguồn nước ô nhiễm.</p> <p>- Bờ ao, đầm thấp, yếu dễ vỡ khi có mưa bão.</p> <p>- Kiến thức khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm nuôi trồng hạn chế (xử lý độ mặn, nhạt khi nắng nóng lâu ngày có mưa đột xuất; cho thức ăn vào ao, đầm</p>	<p>Bơm nước thau rửa thường xuyên.</p> <p>- Vệ sinh môi trường ao, đầm trước khi bỏ giống nuôi trồng.</p>	<p>- Nên thường xuyên tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật và cung cấp tài liệu hướng dẫn nuôi trồng.</p> <p>- Hội thảo, hội nghị, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng.</p>

	<p>du thừa gây ô nhiễm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rong rêu mọc nhiều, chết trong ao, đầm. - Mua con giống ngoài địa phương (Miền Nam) khó phát hiện giống xấu, giống bị nhiễm bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ kinh nghiệm, tìm hiểu nhà cung cấp giống có chất lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có cơ sở nuôi con giống tại địa phương và có kiểm dịch trước khi cho phép cung cấp con giống nhằm chủ động con giống chất lượng.
Thiệt hại về đánh bắt thủy hải sản	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện đánh bắt công suất nhỏ còn nhiều (90 tàu từ 24 CV đến 90 CV do thiếu vốn) - Trang thiết bị trên tàu chưa an toàn. - Chưa có âu trú ẩn tàu thuyền khi có gió bão - Ngư dân thiếu kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai, chủ quan, thiếu thông tin trong lúc ra khơi đánh bắt. - Đánh bắt lưới, mú, xung điện làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm sản xuất, chính quyền hỗ trợ vay vốn - Có 125 tàu công suất trên 90CV, 35 tàu công suất lớn từ 250 CV đến 300 CV. - Nâng công suất tàu đánh bắt hoặc chuyển đổi nghề. - Áp dụng kinh nghiệm dân gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại. - Trang bị thiết bị trên tàu an toàn. - Cần có chính sách cho vay vốn đóng tàu công suất lớn đảm bảo đánh bắt xa bờ. - Nghiêm cấm xung điện, dùng lưới, mú đánh bắt. - Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các qui định về an toàn tàu thuyền trước khi đánh bắt.
Thiệt hại chế biến hải sản	<p>Có 6 cơ sở chế biến lệ thuộc vào thời tiết nắng nóng, mưa bất thường ảnh hưởng đến chế biến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hải sản bốc mùi gây ô nhiễm môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng kinh nghiệm dân gian. - Có lao động tại chỗ. 	<p>Cần qui hoạch xây dựng xưởng chế biến xa khu dân cư.</p>
Thiệt hại về chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa bệnh dịch. - Có 2 trang trại chăn nuôi lợn xen kẽ trong khu dân cư làm ô nhiễm môi trường. - Mạng lưới thú y mỏng (chỉ có cán bộ thú y xã, 16/16 xóm không có mạng lưới thú y). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm thức ăn thừa cho chăn nuôi và tự chế biến thức ăn chăn nuôi; - Trên địa bàn có dịch vụ cung cấp thức ăn chăn nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần qui hoạch chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư. - Cần tăng cường mạng lưới thú ý giúp đỡ nhân dân phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.

Điều kiện sống cơ bản			
Sập nhà mất tài sản, phương tiện, thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, bệnh tật	<ul style="list-style-type: none"> - Có 75% nhà bán kiên cố không chịu được khi có gió bão lớn (trong đó có khoản 5% nhà xuống cấp không an toàn trước thiên tai). - 165 hộ ở ngoài đê bổi (từ xóm 1 đến xóm 8 Ngọc Lâm - Nam Hải); 57 hộ ven sông Đáy và hơn 200 hộ nuôi trồng thủy hải sản ngoài đê có nhà tạm để bảo vệ ao, đầm. - Hệ thống đường giao thông liên xã, liên xóm nhỏ hẹp, xuống cấp dễ rủi ro tai nạn, nhất là khi có mưa lụt. - Hệ thống điện lâu ngày bị xuống cấp, trụ điện yếu dễ bị đổ ngã tai nạn điện trong mùa mưa bão. - Phần lớn hộ dân chưa có bể lọc, nguồn nước ngầm cạn kiệt (so với trước đây hiện nay người dân phải dùng máy bơm công suất lớn mới hút được nước từ giếng lên). - Ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, bãi rác tập trung chưa có biện pháp xử lý hợp vệ sinh. - 20% hộ dân chưa có hố xí hợp vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - 25% người dân có nhà ở kiên cố. - Người dân có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa và kiến thức phòng chống lụt bão - Có nơi sơ tán khi bão lụt xảy ra - Xây dựng được kế hoạch để đầu tư nâng cấp. - 100% người dân được sử dụng điện trong sinh hoạt - Tận dụng nguồn nước mưa - Đã tổ chức thu gom và qui hoạch bãi rác thải tập trung. - 80% hộ dân có hố xí hợp vệ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa. - Đầu tư, mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, dong xóm và mặt đê. - Cần cải tạo và nâng cấp hệ thống điện - Hỗ trợ vay vốn cho người dân xây dựng bể chứa nước, làm nhà vệ sinh, nâng cấp nhà ở an toàn. - Sớm có biện pháp xử lý rác thải tại bãi thu gom tập trung hợp vệ sinh. - Tăng tần suất thu gom rác thải trong tuần (hiện nay mới thu gom 2 lần/tuần). - Sớm có dự án cung cấp nước sạch cho người dân.
	Sự tự bảo vệ và bảo vệ cộng đồng		
Thiệt	- Hệ thống loa truyền thanh bị	-Ban chỉ huy phòng	- Đầu tư nâng cấp hệ

<p>hại về tính mạng và tài sản do lụt, bão</p>	<p>xuống cấp, thông tin cảnh báo về thiên tai không kịp thời (chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế thông tin cảnh báo sớm cho cộng đồng khi mất điện hệ thống truyền thanh không hoạt động).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có các bảng tin, biển cảnh báo lắp đặt ở vùng nguy cơ cao, đoạn đường ngập nước nguy hiểm. - Đội ứng phó được thành lập từ xã đến các xóm có khoản 350 người (mỗi đội có 20 người) nhưng chưa được tập huấn về kiến thức phòng ngừa ứng phó thảm họa, thiếu trang thiết bị cho lực lượng ứng phó (phao, áo phao, áo đi mưa, đèn pin, túi sơ cứu, ủng, mũ bảo hiểm, cưa máy...). - Tỷ lệ biết bơi, nhất là trẻ em thấp, chưa được dạy và học bơi ở cộng đồng và trường học. - Người đi lại, nhất là học sinh đi học qua đê đất, đường xuống cấp, ngập nước trong mùa mưa bão. - Kiến thức phòng ngừa ứng phó thảm họa của người dân, giáo viên và học sinh còn hạn chế. 	<p>chống lụt bão bố trí phân công phụ trách từng địa bàn dân cư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã thành lập đội ứng phó cứu hộ cứu nạn từ xã đến xóm. - Đã được nhắc nhở trong chương trình học ngoại khóa. 	<p>thông truyền thanh, lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo tại cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần được tập huấn, trang bị kiến thức, trang thiết bị cho lực lượng ứng phó từ xã đến các xóm. - Tập huấn tuyên truyền về phòng ngừa ứng phó thảm họa cho người dân, giáo viên và học sinh. - Đầu tư xây bể bơi, tổ chức dạy bơi và học bơi cho người dân và học sinh. - Cần xây dựng lịch học phù hợp trong mùa mưa bão.
<p><i>Tổ chức xã hội và chính quyền</i></p>			
<p>Hiệu quả công tác chỉ huy,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ các ngành, tổ chức Hội, đoàn thể từ xã đến các xóm chưa được tập huấn nhiều về phòng ngừa ứng phó thảm họa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban chỉ huy phòng chống lụt bão xã được phân công nhiệm vụ cụ thể và phụ trách các xóm. - Khi có thiên tai tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có cơ chế chính

<p>điều hành, phòng chống thiên tai còn chưa cao</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai. - Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã còn hạn chế. - Thiếu kinh phí, điều kiện phương tiện cơ chế, chính sách cho việc phục vụ phòng chống thiên tai. 	<p>ứng trực 24/24 kể cả các thành viên BCH và lực lượng ứng phó, đặt biệt là sẵn sàng ứng phó ở các vùng xung yếu.</p> <p>- Hàng năm có tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai và đề ra kế hoạch năm mới.</p>	<p>sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai</p> <p>- Tập huấn kiến thức giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.</p>
---	---	--	--

PHỤ LỤC 8. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI VẤN ĐỀ VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NHE RỦI RO

T T	Vấn đề	Các yếu tố làm tăng rủi ro	Cách khắc phục	Sáng kiến/ hoạt động cụ thể	Kế hoạch thực hiện		
					Ai sẽ làm	Mức độ cấp thiết	Các nguồn lực
1.	Người dân lo lắng thiệt hại tính mạng và tài sản do thiên tai bão lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).	Người dân còn chủ quan	Nâng cao kiến thức phòng ngừa thảm họa	Tập huấn, phát tờ rơi, tuyên truyền về phòng ngừa thảm họa	Chính quyền và các tổ chức đoàn thể, tình nguyện viên	Làm ngay	Nhà nước, dự án
		Số hộ ở ven đê, ven sông chỗ ở thiếu an toàn	Chuyển chỗ ở an toàn cho số hộ ở ven đê, ven sông	- Quy hoạch khu tái định cư - Hỗ trợ cho số hộ ở ven đê, ven sông di chuyển vào khu tái định cư	- Chính quyền, các ngành liên quan - Chính quyền, các ngành liên quan	- Dài hạn - Dài hạn	- Nhà Nước - Nhà nước, dự án
		Nhà bán kiến cổ xuống cấp, thiếu an toàn	Sửa chữa nâng cấp nhà an toàn trước thiên tai.	- Điều tra khảo sát xác định số nhà bán kiến cổ xuống cấp, thiếu an toàn. - Vận động nhân dân đầu tư nâng cấp nhà an toàn - Hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo vay vốn, giúp vốn có điều kiện sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn trước thiên tai. - Xây dựng mô hình nhà chịu đựng thiên tai	- Chính quyền, các ngành liên quan - Chính quyền, các ngành liên quan - Chính quyền, Mặt trận, Hội Đoàn thể - Chính quyền, Đoàn thể	Ngắn hạn Dài hạn Dài hạn Ngắn hạn	- Ngân sách, nhà tài trợ - Dự án, nhà tài trợ, ngân hàng chính sách xã hội, tín dụng. Dự án

							, nhà tài trợ
		Đội ứng phó thiếu kiến thức, kỹ năng và thiếu thiết bị, phương tiện phòng ngừa ứng phó thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức kỹ năng phòng ngừa ứng phó thiên tai - Cung cấp trang thiết bị (phao, áo phao, máy cưa, ủng, đèn pin, áo đi mưa, mũ bảo hiểm..) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn, cung cấp tài liệu phòng ngừa ứng phó thiên tai. - Khảo sát, tìm nhà cung cấp, lập dự toán tìm kinh phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền, các đoàn thể, tình nguyện viên - Chính quyền, Hội CTĐ đò 	<ul style="list-style-type: none"> Làm ngay Ngắn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách, nhà tài trợ - Ngân sách, nhà tài trợ
		Tàu thuyền chìm do chưa có neo đậu an toàn khi có gió bão; công suất nhỏ không di chuyển kịp khi có gió bão	<ul style="list-style-type: none"> - Có âu neo đậu tàu thuyền an toàn - Nâng công suất tàu thuyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, thiết kế, lập dự toán tìm kinh phí xây dựng. - Cho ngư dân vay vốn lãi suất thấp đóng mới, nâng công suất tàu thuyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền, ngành chức năng - Chính quyền, ngành chức năng 	<ul style="list-style-type: none"> - Dài hạn - Dài hạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà Nước, dự án - Nhà Nước, Ngân hàng
		Đoạn đê chưa được kiên cố (1.200 m)	Nâng cấp, cứng hóa mặt đê	Khảo sát, thiết kế, dự toán, tìm nguồn kinh phí	Chính quyền, cơ quan liên quan	Dài hạn	Nhà nước, dự án
		Đoạn đường đất thuộc xóm 7, 8 Nam Hải và 1, 2 Ngọc Lâm (800m) đi lại trong mùa mưa bão không	Bê tông hóa đoạn đường đất thuộc xóm 7, 8 Nam Hải và 1, 2 Ngọc Lâm (800m)	- Khảo sát, thiết kế, dự toán, tìm nguồn kinh phí	- Chính quyền, cơ quan liên quan	Dài hạn	Nhà nước, dự án

		an toàn					
		- Thông tin cảnh báo không kịp thời trong mùa mưa bão do hệ thống truyền thanh xuống cấp, chưa có bảng tin, biển báo vùng xung yếu, đoạn đường nguy hiểm.	- Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh. - Trang bị âm thanh lưu động, loa cầm tay cho xã, xóm. - Lắp đặt bảng tin, biển cảnh báo vùng nguy cơ, đoạn đường nguy hiểm.	- Khảo sát, lập dự toán, tìm kinh phí, tìm nhà cung cấp. - Khảo sát, lập dự toán, tìm kinh phí, tìm nhà cung cấp	- Chính quyền, cơ quan truyền thanh xã, ngành liên quan - Chính quyền, ngành liên quan	Ngắn hạn	-Ngân sách xã, dự án
2.	Người dân lo lắng thiệt hại mùa màng ảnh hưởng đến thu nhập đời sống	Sâu bệnh: Phun thuốc không hiệu quả do kháng thuốc và thuốc kém chất lượng	Dùng thuốc phù hợp với giống cây trồng và đảm bảo chất lượng	- Kiểm tra giám định chất lượng thuốc. - Vô bao bì thuốc phải có nhãn mác - Phổ biến nâng cao hiệu biết cho người dân khi chọn thuốc có chất lượng - Xử phạt đối với những cơ sở bán thuốc giả	- Các ngành chức năng - Đơn vị sản xuất - Cơ quan chức năng, đoàn thể - Chính quyền và cơ quan chức năng	Thường xuyên Làm ngay Thường xuyên Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
		- Ngập úng vụ mùa: + Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước	- Kiên cố nâng cấp hệ thống kênh mương - Nạo vét thường	- Khảo sát dự án, kêu gọi nguồn lực - Phát động phong trào toàn	Các cơ quan, đoàn thể và người dân - Chính	Dài hạn Thường xuyên	Nhà nước, dự án

		kém do dòng chảy bị thu hẹp, ách tắc; không được thường xuyên nạo vét	xuyên để khai thông dòng chảy	dân tham gia nạo vét, vệ sinh kênh mương - Tổ chức họp phổ biến cho người dân không được lấn chiếm làm hẹp dòng chảy	quyền, đoàn thể - Chính quyền, đoàn thể	Thường xuyên	
		Chưa có trạm bơm tiêu úng	Lắp đặt trạm bơm tiêu úng	Khảo sát vị trí và nhu cầu đặt trạm bơm, lập dự toán kêu gọi nhà tài trợ	Chính quyền, cơ quan chức năng	Ngắn hạn	Chính quyền, nhà tài trợ
		Chuột, ốc brou vàng cắn phá do chưa có thuốc và cách diệt có hiệu quả	- Cung cấp thuốc diệt chuột hiệu quả -Khuyến khích nuôi mèo bắt chuột. - Toàn dân tham gia diệt chuột - Thu gom ốc brou vàng	- Hướng dẫn sử dụng thuốc diệt chuột hiệu quả - Khen thưởng kịp thời người nuôi nhiều mèo. - Tổ chức thu mua đuôi chuột, phát động phong trào toàn dân diệt chuột - Tăng cường thu gom ốc brou vàng	Cơ quan khuyến nông Chính quyền đoàn thể, nhân dân Người dân	Làm ngay Thường xuyên Thường xuyên	Chính quyền, người dân Nhà nước, người dân Người dân
		Diện tích đất nông nghiệp ven biển bị nhiễm mặn	Chuyển đổi diện tích đất nhiễm mặn sang nuôi trồng thủy hải sản và trồng màu	Khảo sát lập tờ trình lên cấp trên để xem xét	Chính quyền, cơ quan chức năng	Ngắn hạn	
		Gió tây ảnh hưởng đến vụ chiêm	Người dân theo dõi thông tin thời tiết, bám lịch mùa vụ để né tránh	Hướng dẫn lịch mùa vụ cho người dân và bám sát theo dõi thời tiết để thông báo đến người dân	Ban nông nghiệp, cơ quan chức năng	Làm ngay	
3.	Ô nhiễm môi trường ảnh	Bãi rác thải thu gom chưa được xử lý	Xử lý rác thải ở bãi tập trung hợp vệ sinh	Học tập mô hình xử lý rác thải thu gom tại bãi	Chính quyền, các ngành liên quan.	Trung hạn	Ngân sách, người dân, dự

	hưởng đến sức khỏe						án.
	con người	Nước thải, chất thải chăn nuôi chưa được xử lý	- Xây hầm Bi ô ga - Quy hoạch trang tại chăn nuôi xa khu dân cư	- Thí điểm mô hình - Chính quyền có cơ chế	- Chính quyền, các ngành liên quan, người dân	Trung hạn	Người dân và dự án
		Do thuốc trừ sâu ô nhiễm nguồn nước, (phun thuốc trừ sâu và vất vỏ chai bừa bãi)	- Quy hoạch nơi chứa và thu gom vỏ chai thuốc trừ sâu để xử lý - Tuyên truyền ý thức cho người dân	- Xây bể tại các đầu bờ ruộng - Nâng cao nhận thức cho người dân	Chính quyền, người dân	Làm ngay	Chính quyền, người dân
		Khí đốt từ rom rạ	Xử lý rom rạ hợp vệ sinh (không đốt rom rạ gây ô nhiễm)	Hướng dẫn xử lý phù hợp - Xử phạt khi đốt rom rạ bừa bãi	- Chính quyền, các cơ quan đoàn thể và người dân - Chính quyền, cơ quan chức năng.	Thường xuyên Thường xuyên	
		Ách tắc dòng chảy	- Nạo vét khai thông dòng chảy - Không vớt rác bừa bãi xuống kênh mương	- Kiểm tra thường xuyên và xử lý - Tuyên truyền nhận thức cho người dân - Huy động người dân tham gia nạo vét, vệ sinh kênh mương	Thủy nông Chính quyền, đoàn thể - Chính quyền, đoàn thể	Làm ngay Làm ngay Thường xuyên	Ngân sách và người dân
		Kênh mương đất	Kiên cố hóa kênh mương	Khảo sát, thiết kế, dự toán, tìm nguồn kinh phí	Chính quyền, cơ quan chức năng	Trung hạn	Nhà Nước, người dân và dự án

		Chưa có hệ thống thoát nước ở khu dân cư	Xây dựng hệ thống thoát nước	Khảo sát, thiết kế, dự toán, tìm nguồn kinh phí	Chính quyền, cơ quan chức năng	Trung hạn	Nhà Nước, người dân và dự án
4.	Thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản ảnh hưởng đến đời sống, thu nhập người dân	Ô nhiễm nguồn nước do thức ăn dư thừa đọng lại, rong rêu mọc chết trong ao đầm	Cho lượng thức ăn vừa phải phù hợp với con giống - Không để rong rêu mọc chết trong ao đầm	- Học hỏi kinh nghiệm nâng cao kiến thức - Thay đổi nguồn nước mới, thường xuyên vệ sinh ao đầm, thu dọn rong rêu, giữ sạch vệ sinh môi trường	Hộ nuôi trồng	Làm ngay	Người dân
		Thay đổi độ PH do nắng nóng và mưa trái vụ	Xử lý, điều hòa độ PH cho thích hợp	Dùng máy đo, bơm nước hoặc dùng thuốc để điều hòa độ PH	Hộ nuôi trồng, người am hiểu kỹ thuật	Làm ngay	Người dân, cán bộ có kỹ thuật
		Con giống chất lượng không tốt do chưa có cơ sở cung cấp giống tại chỗ (mua giống ở nơi khác về)	Mua con giống đảm bảo chất lượng	- Khuyến khích mở các cơ sở sản xuất giống tại địa phương - Chọn cơ sở có con giống tốt để mua	Chính quyền, hộ nuôi trồng	Trung hạn	Chính quyền, người dân
		Kiến thức nuôi trồng bị hạn chế do ít được tập huấn và ít được học tập chia sẻ kinh nghiệm	Tổ chức nhiều lớp tập huấn và các hình thức hội thảo, tham gia học tập chia sẻ kinh nghiệm	Khảo sát nhu cầu, lập kế hoạch tìm nguồn kinh phí để tổ chức tập huấn - khảo sát tìm hiểu mô hình nuôi trồng tốt và người nuôi trồng có hiệu quả để tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm	Trung tâm học tập cộng đồng và các hộ nuôi trồng	Thường xuyên	Cơ quan chức năng và người dân
		Bờ ao, đầm thiếu kiên cố	Nâng cấp kiên cố bờ ao, đầm cao chống chịu được thiên tai	Tìm vốn và nguồn lao động	Hộ nuôi trồng	Trung hạn	Các hộ nuôi trồng

Báo cáo hoàn thành ngày 12/6/2014 được in, đóng dấu và gửi cho các bên liên quan.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam

Được tài trợ bởi USAID, thực hiện bởi Tổ chức Winrock International phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổ chức phát triển Hà Lan SNV, Hội chữ thập đỏ Mỹ, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm phát triển nông thôn bền vững.

Địa chỉ: Nhà D, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, 98 Tô Ngọc Vân, Tây Hồ, Hà Nội.

Tel: (84-4) 3 718 2127 | Fax: (84-4) 3 718 2075

Email: vfd.info@winrock.org